



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

Trụ sở chính: Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy, Thành Phố Huế

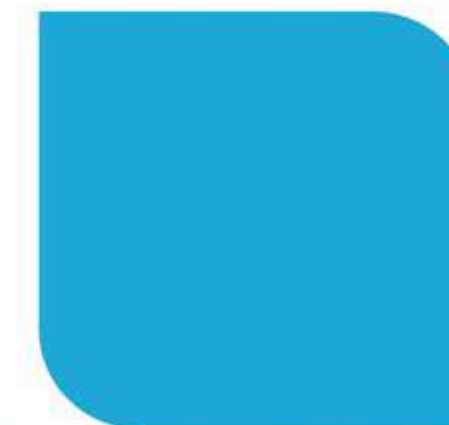
Nhà máy May 4: KCN Phú Đa, Xã Phú Vang, Thành Phố Huế

Chi nhánh Quảng Bình: KCN Cam Liên - Xã Cam Hồng - Tỉnh Quảng Trị

Điện thoại: 0234.3864.337

Email: contact@huegatex.com.vn

Website: www.huegatex.com.vn



Thịnh vượng Khách hàng - Phồn vinh Công ty - Hải hòa Lợi ích



THÔNG TIN CHUNG

01

Tổng quan về Công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Thông tin về tổ chức và nhân sự

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

Các rủi ro

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

03

Tình hình hoạt động trong năm 2025

Báo cáo của Ban Điều hành

Báo cáo của Hội đồng quản trị

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

05

Môi trường và năng lượng

Chính sách người lao động

Cộng đồng và xã hội

02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

04

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Thông tin cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

Thịnh vượng Khách hàng - Phồn vinh Công ty - Hòa hòa Lợi ích

PHẦN

01

THÔNG TIN CHUNG

- 01 Tổng quan về Công ty
- 02 Quá trình hình thành và phát triển
- 03 Thông tin về tổ chức và nhân sự
- 04 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 05 Định hướng phát triển
- 06 Các rủi ro



Thịnh vượng Khách hàng - Phồn vinh Công ty - Hải hòa Lợi ích



CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT MAY HUẾ
Tên tiếng Anh	: HUE TEXTILE GARMENT JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: HUEGATEX
Mã cổ phiếu	: HDM
Sàn giao dịch	: UPCOM
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	: Số 3300100628 cấp lần đầu ngày 17/11/2005, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 01/07/2025



Vốn điều lệ (VNĐ)

200.962.590.000

Thông tin liên lạc



Email

contact@huegatex.com.vn



Website

www.huegatex.com.vn



Điện thoại

0234.3864.337



Trụ sở chính

122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam





Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi

Trở thành đối tác chiến lược của các thương hiệu thời trang lớn, đáp ứng được những yêu cầu cao nhất của khách hàng, có hệ thống quản trị hiện đại, tăng trưởng bền vững, tham gia sâu rộng vào chuỗi cung ứng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và chuỗi cung ứng dệt may toàn cầu.

Cung cấp cho khách hàng những sản phẩm dệt may có chất lượng tốt nhất, đáng tin cậy nhất trong phân khúc dựa trên mô hình sản xuất xanh cùng những dịch vụ chuyên nghiệp, tạo sự tự tin khi đồng hành cùng Công ty.

Tầm nhìn

Sứ mệnh

Giá trị cốt lõi

- ▶ Khách hàng là trọng tâm trong hoạch định chính sách và chiến lược;
- ▶ Làm đúng ngay từ đầu;
- ▶ Chuyên nghiệp, minh bạch, trách nhiệm trong tất cả các hoạt động;
- ▶ Tuân thủ các chuẩn mực quốc tế.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1. Các dấu mốc nổi bật

1996

Thành lập nhà máy Dệt Kim.

1988

Ngày 26/3/1988:
Khánh thành
Nhà máy Sợi
Huế.

1979

Ngày 19/5/1979:
Khởi công xây
dựng Nhà máy
Sợi Huế.

2002

Tách nhà máy Dệt Kim thành nhà máy May với 18 chuyên may và nhà máy Dệt Nhuộm với năng lực sản xuất 1.200 tấn/năm.

2000

Đầu tư nâng cấp nhà máy Sợi thêm 8.000 cọc sợi.

Đầu tư nhà máy Sợi chất lượng cao 3 vạn cọc tại Khu công nghiệp Phú Bài (đến năm 2003 tách thành Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài).

2010

Đăng ký giao dịch trên sàn Upcom ngày 29/12/2009 và chính thức giao dịch từ ngày 21/01/2010 theo Thông báo số 15/TB-SGDCKHN ngày 11/01/2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2009

Thành lập nhà máy May 2 với quy mô 16 chuyên may.

2013

Khánh thành nhà máy May với quy mô 16 chuyên may.

2012

Thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ lên 49.995.570.000 đồng.

2018

Đầu tư mới nhà máy May 4 với 16 chuyên may; Thành lập chi nhánh Quảng Bình với 18 chuyên may; Đầu tư hệ thống xử lý nước thải, nước ra đạt tiêu chuẩn cột A.

2017

Đầu tư nâng cấp nhà máy Dệt Nhuộm với trang thiết bị hiện đại, nâng năng lực sản xuất lên 1.500 tấn/năm.

2016

Thực hiện chào bán phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ chủ chốt, nâng vốn điều lệ lên 100.000.000.000 đồng.

2020

Tái cấu trúc mô hình sản xuất, quản lý ngành may, cơ cấu lại bộ máy ngành sợi.

Có 07 nhà máy gồm: 01 nhà máy Sợi gần 5 vạn cọc, 01 nhà máy Dệt Nhuộm với năng lực sản xuất 1.500 tấn/năm và 05 nhà máy May với 82 chuyên may, sản lượng bình quân là 25 triệu sản phẩm/năm.

2023

Thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 32%, nâng vốn điều lệ lên 200.962.590.000 đồng.

2022

Thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức với tỷ lệ 45%, nâng vốn điều lệ lên 152.247.010.000 đồng.

2021

Thực hiện Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, nâng vốn điều lệ lên 105.000.000.000 đồng

2024

Nhà máy may 3 tầng của Công ty Cổ phần Dệt May Huế chính thức khởi công vào ngày 23/10/2024, là biểu tượng cho xu hướng sản xuất xanh và là bước tiến đột phá trong hành trình phát triển, khẳng định mạnh mẽ vị thế và tầm nhìn chiến lược của công ty.

2025

Công ty xác lập kỷ lục về doanh thu và hiệu quả cao nhất trong suốt chặng đường hình thành và phát triển. Đây cũng là năm Công ty thực hiện tái cấu trúc mạnh mẽ mô hình quản lý, tinh gọn bộ máy từ 23 đơn vị trực thuộc còn 19 đơn vị trực thuộc, đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống.



2. Các giải thưởng tiêu biểu

STT	Giải thưởng
1993	Công ty nhận Huân chương Lao động hạng Ba và Cờ thi đua Đơn vị xuất sắc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
1995	Công ty nhận Huân chương Lao động hạng Nhì.
1998	Công ty nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.
2008	Bộ Công thương trao tặng Cờ thi đua Đơn vị Xuất sắc UBNN Tỉnh Thừa Thiên Huế trao tặng bằng khen.
2009	Bộ Công Thương, Phòng thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trao tặng bằng khen
2010	Chính phủ trao tặng Cờ thi đua Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua. Khối Doanh nghiệp tỉnh trao tặng Cờ Đơn vị sản xuất dẫn đầu.
2011	Tập đoàn Dệt May Việt Nam trao tặng Cờ thi đua Đơn vị xuất sắc. Bộ Công Thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng bằng khen.
2012	Chính phủ trao tặng Cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua.
2013	Công ty nhận Huân chương Độc lập Hạng ba.
2014	Bộ Công Thương trao tặng Cờ thi đua.
2015	Công ty được Chính phủ tặng Cờ Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua xuất sắc, được Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc, được Bằng khen LĐTBXH - Tổng LĐLĐVN và VCCI tiếp tục vinh danh doanh nghiệp tiêu biểu với Người lao động.
2016	Công ty nhận được Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tặng Cờ đơn vị thi đua xuất sắc, tiếp tục vinh danh doanh nghiệp tiêu biểu với Người lao động lần thứ hai liên tiếp, Giấy khen của Cục Hải quan Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động.
2017	Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tặng bằng khen cho đơn vị thi đua xuất sắc, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động.

STT	Giải thưởng
2018	Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tặng bằng khen đơn vị thi đua xuất sắc, Cờ thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động.
2019	Công ty nhận Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Danh hiệu Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.
2020	Công ty nhận bằng khen của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.
2021	Công ty nhận Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam, Tập đoàn Dệt May Việt Nam vinh danh đơn vị dẫn đầu, Bằng khen cho thành tích trong phong trào chống dịch Covid-19, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam.
2022	Công ty nhận Cờ đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2022, Danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt May Việt Nam năm 2022, Bằng khen của phòng Thương mại & Công nghiệp Việt Nam, Bằng khen của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
2023	Công ty nhận danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc năm 2023 lĩnh vực xuất khẩu" do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trao tặng; Danh hiệu "Doanh nghiệp vì người lao động" do Bộ Lao động Thương binh và Xã hội trao tặng; Cờ thi đua xuất sắc của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; Đạt giải "Bàn tay vàng" và "Thợ chuyên nhanh nhất" đối với sản phẩm may dệt kim; giải "Bàn tay đồng" và "Sáng tạo" đối với sản phẩm đồ jacket của Hội thi thợ giỏi ngành Dệt may năm 2023.
2024	Công ty nhận danh hiệu "Doanh nghiệp vì người lao động" lần thứ 6 liên tiếp Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế trao tặng bằng khen "Đã có nhiều đóng góp tích cực xây dựng và phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2024". Ngày 20/12/2024 Công ty Cổ phần Dệt May Huế vinh dự được nhận bằng khen "Đã có thành tích xuất sắc trong công tác giai đoạn 2022 - 2023" do Chủ tịch Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp trao tặng.



2. Các giải thưởng tiêu biểu

2025



Giải thưởng **TIÊU BIỂU**

DOANH NGHIỆP VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG **2025**



Doanh nghiệp vì người lao động ngành Dệt may Việt Nam năm 2025
Bảng xếp hạng "Doanh nghiệp vì Người lao động" do Công đoàn Dệt May Việt Nam, Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Hiệp hội Dệt May Việt Nam bình chọn, xếp hạng.



Đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2025



Đã có nhiều đóng góp tích cực vào giải thưởng "Không gian trưng bày tiêu biểu" của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Triển lãm Thành tựu đất nước nhân dịp kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 02/09/1945 - 02/09/2025



Tham gia ủng hộ Quỹ "Vi Người nghèo" và các hoạt động an sinh xã hội trên địa bàn thành phố năm 2024

2. Các giải thưởng tiêu biểu



Đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Chương trình việc làm trên địa bàn thành phố Huế giai đoạn 2021-2025



Đã có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực xuất nhập khẩu trên địa bàn thành phố





1. Cơ cấu tổ chức

Công ty Cổ phần Dệt May Huế là công ty cổ phần, tổ chức quản lý và hoạt động theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm:



Đại hội đồng cổ đông

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.



Ban Kiểm soát

Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.



Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

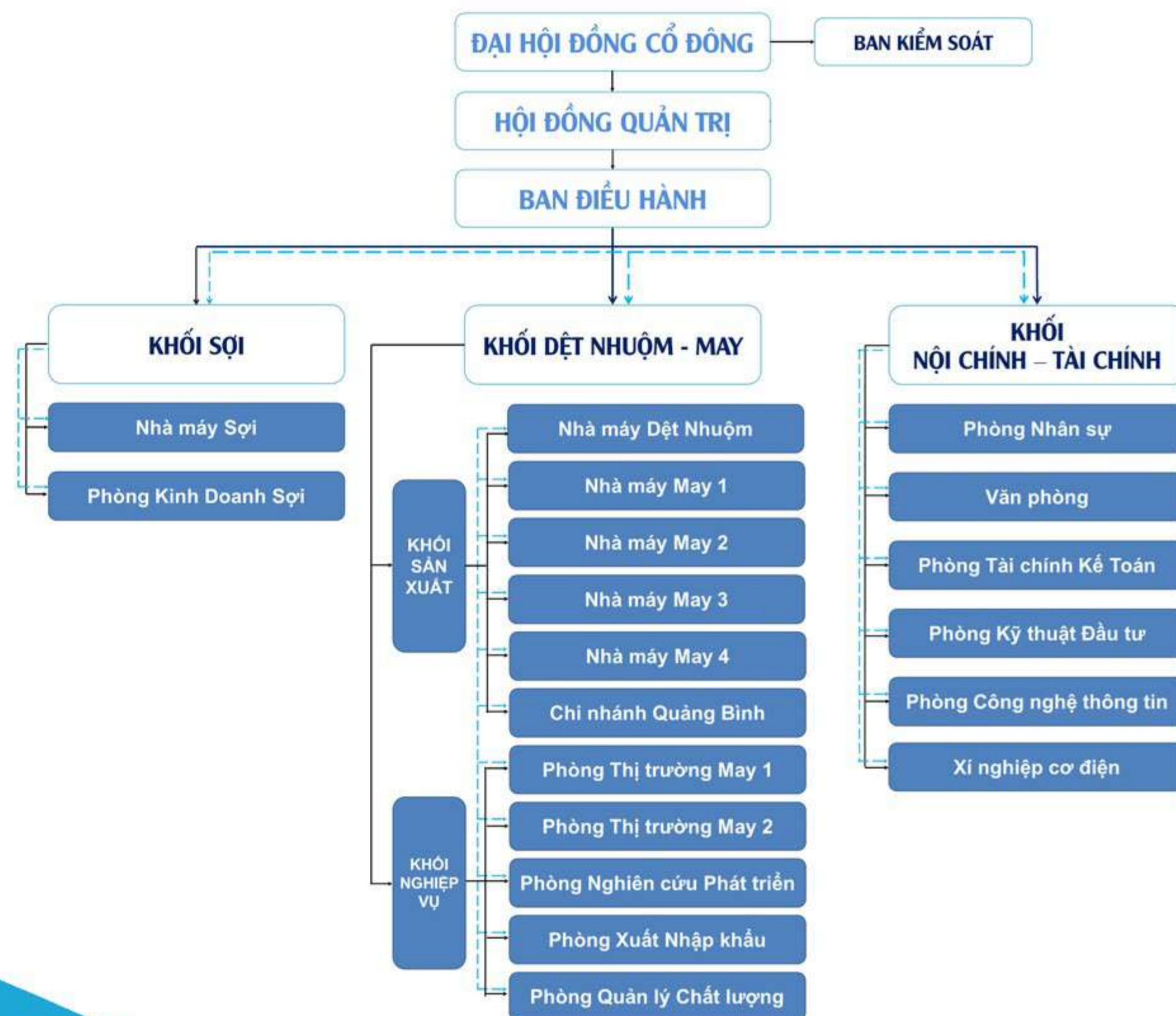


Tổng Giám đốc

Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

01 Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ tại Công ty
1	Ông Nguyễn Đức Trí	Chủ tịch Hội đồng quản trị
2	Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Ông Lê Hồng Quân	Thành viên Hội đồng quản trị
5	Bà Trần Thị Thuấn	Thành viên Hội đồng quản trị

Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2025:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	26/04/2023	25/04/2025
2	Bà Trần Thị Thuấn	Thành viên HĐQT	25/04/2025	



Thông tin tóm tắt thành viên Hội đồng quản trị

01

ÔNG NGUYỄN ĐỨC TRÍ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh

1966

Trình độ

Thạc sĩ Quản trị

chuyên môn

kinh doanh

Quá trình công tác

- 03/1990 - 04/1994: Chuyên viên Công ty Thương mại tổng hợp Tam kỳ, Quảng Nam Đà Nẵng
 - 05/1994 - 03/1997: Phó phòng KDXNK may Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng
 - 04/1997 - 05/2001: Trưởng phòng KDXNK may Chi nhánh Vinatex Đà Nẵng
 - 05/2001 - 07/2001: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Hòa Thọ
 - 08/2001 - 12/2005: Giám đốc Điều hành Công ty Dệt May Hòa Thọ
 - 01/2006 - 12/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Hòa Thọ, nay là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
 - 03/2010 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam
 - 01/2011 - 08/2020: Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
 - 06/2017 - 07/2020: Chủ Tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
 - 06/2017 - 10/2024: Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
 - 01/2019 - 12/2019: Giám đốc Điều hành Tập Đoàn Dệt May Việt Nam
- 12/2019 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam
 - 05/2020 - nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - 08/2020 - 10/2024: Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
 - 10/2024 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- Cá nhân: 47.850 cổ phiếu, chiếm 0,24% vốn điều lệ
- Đại diện: 6.028.878 cổ phiếu, chiếm 30% vốn điều lệ

Chức vụ tại các Công ty khác

- Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt may Việt Nam
- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam
- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ



3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành(tt)

01 Hội đồng quản trị

Thông tin tóm tắt thành viên Hội đồng quản trị (tt)

02 **ÔNG NGUYỄN VĂN PHONG**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh 1961
Trình độ Cử nhân Kinh tế,
chuyên môn Cử nhân Ngoại ngữ

Quá trình công tác

- 10/1980 - 09/1996: Cán bộ nhà máy Sợi Huế Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 10/1996 - 09/1998: Bí thư Đoàn Thanh Niên Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 10/1998 - 12/2003: Phó phòng Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 01/2004 - 02/2004: Phó Giám đốc nhà máy May Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 03/2004 - 09/2007: Giám đốc nhà máy May Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 10/2007 - 12/2007: Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 01/2008 - 04/2008: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 05/2008 - 08/2014: - Trưởng phòng Nhân sự, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dệt May Huế.
- 09/2014 - 03/2016: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 03/2016 - 03/2018: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 11/2017 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 03/2018 - 12/2024: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- Cá nhân: 83.373 cổ phiếu, chiếm 0,41% vốn điều lệ
- Đại diện: 2.181.992 cổ phiếu, chiếm 10,68% vốn điều lệ

Chức vụ tại các Công ty khác không có

03 **BÀ NGUYỄN HỒNG LIÊN**
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh 1978
Trình độ Thạc sĩ Kinh tế,
chuyên môn Cử nhân Tiếng Anh

Quá trình công tác

- 02/2000 - 11/2011: Chuyên viên phòng Kế hoạch - XNK Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 12/2011 - 12/2014: Phó phòng kế hoạch - XNK May Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 04/2013 - 04/2018: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 01/2015 - 06/2019: Trưởng phòng kế hoạch - XNK Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 06/2019 - 11/2023: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 05/2020 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 11/2023 - 12/2024: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 01/2025 - nay: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- Cá nhân: 66.687 cổ phiếu, chiếm 0,33% vốn điều lệ
- Đại diện: 4.019.252 cổ phiếu, chiếm 20% vốn điều lệ

Chức vụ tại các Công ty khác không có



3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành(tt)

01 Hội đồng quản trị

Thông tin tóm tắt thành viên Hội đồng quản trị (tt)

04

ÔNG LÊ HỒNG QUÂN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh 1974

Trình độ Cử nhân Điện tử

chuyên môn viễn thông

Quá trình công tác

- 04/1996 - 02/2003: Công tác tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - 03/2003 - 03/2010: Công tác tại Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
 - 01/2010 - 08/2010: Trưởng phòng Kỹ thuật ĐHSX Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
 - 09/2010 - 11/2012: Giám đốc phụ trách Dây chuyển 1 - Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
 - 12/2012 - 06/2022: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài
 - 2013 - 08/2016: Giám đốc Chi nhánh nhà máy Sợi Phú Xuyên
- 07/2022 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - 04/2023 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- Cá nhân: không có
- Đại diện: không có

Chức vụ tại các Công ty khác không có

05

BÀ TRẦN THỊ THUẦN

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm sinh 1972

Trình độ Cử nhân Luật

chuyên môn

Quá trình công tác

- 1990 - 1993: Văn thư Nhà máy Dệt Huế
 - 1994 - 1998: Đi học tại trường Kỹ thuật Công nghiệp Nam Định
 - 1998 - 2002: Cán bộ kỹ thuật nhà máy May Công ty Dệt May Huế
 - 2003 - 2009: Tổ trưởng Tổ Công nghệ nhà máy May Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - 2010 - 2013: Phó Giám đốc nhà máy May Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - 2014 - 2016: Phó phòng Quản lý Chất lượng Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - 2017 - 2018: Trưởng phòng Quản lý Chất lượng Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - 2018 - 2019: TP Quản lý Chất lượng kiêm Giám đốc nhà máy May 2 Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 2020 - 2023: Giám đốc nhà máy May 1 Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - 07/2022 - nay: Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế
 - 04/2024 - nay: Giám đốc Nhà máy May 3
 - 07/2022 - 04/2025: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế.
 - 04/2025 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- Cá nhân: 27.253 cổ phiếu, chiếm 0,14% vốn điều lệ
- Đại diện: không có

Chức vụ tại các Công ty khác Không có





3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành(tt)

02 Ban Kiểm soát

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ tại Công ty
1	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Hồ Nam Phong	Thành viên Ban Kiểm soát

Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát: Không có

Thông tin tóm tắt thành viên Ban Kiểm soát

01

BÀ PHAN NỮ QUỲNH ANH

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh

1988

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

- 07/2012 - 11/2014: Giao dịch viên Ngân hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Huế
- 10/2015 - 09/2017: Chuyên viên kế toán Ban đời sống Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 10/2017 - 05/2020: Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 05/2020 - nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 03/2022 - 07/2025: Phó Ban Kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 08/2025 - nay: Chuyên viên phòng Nhân sự Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- Cá nhân: 7.359 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
- Đại diện: không có

Chức vụ tại các Công ty khác

không có

02

ÔNG HỒ NAM PHONG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh

1980

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Kinh tế,
Cử nhân Toán

Quá trình công tác

- 01/2013 - 12/2014: Chuyên viên phòng Nhân sự Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 01/2015 - 12/2018: Phó phòng Nhân sự Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 03/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 01/2019 - 11/2023: Trưởng phòng Nhân sự Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 11/2023 - 08/2025: Giám đốc nhà máy May 1 Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 08/2025 - nay: Phó phòng phụ trách Văn phòng Công ty

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- Cá nhân: 23.453 cổ phiếu, chiếm 0,12% vốn điều lệ
- Đại diện: không có

Chức vụ tại các Công ty khác

không có

03

BÀ PHẠM THỊ VÂN HÀ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh

1982

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Kinh tế

Quá trình công tác

- 2006 - 2011: Chuyên viên phòng Thị trường Nhật Bản Công ty Cổ phần Hợp tác Lao động và TM
- 2011 - 2020: Chuyên viên Ban TCKT Tập đoàn Dệt May Việt Nam
- 04/2018 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- 2020 - nay: Chuyên viên Ban THPC Tập đoàn Dệt May Việt Nam
- Cá nhân: 3.600 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ
- Đại diện: không có

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

Chức vụ tại các Công ty khác

- Chuyên viên Ban THPC Tập đoàn Dệt May Việt Nam
- Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng.

3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành^(tt)

03 Ban Điều hành

Danh sách thành viên Ban Điều hành

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ tại Công ty
1	Bà Nguyễn Hồng Liên	Tổng Giám đốc
2	Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Đào Văn Tư	Phó Tổng Giám đốc
5	Bà Trần Thị Thuần	Phó Tổng Giám đốc
6	Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành
7	Bà Nguyễn Khánh Chi	Kế toán trưởng

Thay đổi thành viên Ban Điều hành trong năm 2024

Thông tin tóm tắt thành viên Ban Điều hành

01

BÀ NGUYỄN HỒNG LIÊN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã trình bày ở mục
Hội đồng quản trị

02

ÔNG LÊ HỒNG QUÂN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã trình bày ở mục
Hội đồng quản trị

03

ÔNG NGUYỄN TIẾN HẬU

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh

1965

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

► 12/1988 - 12/1989: Tổ trưởng sản xuất, phân xưởng sợi, Nhà máy Sợi Huế

► 01/1990 - 03/1994: Trưởng ca, phân xưởng Sợi, Nhà máy Sợi Huế

► 04/1994 - 12/1999: Quản đốc phân xưởng nhà máy Sợi, Công ty Dệt Huế

► 01/2000 - 12/2002: Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Công ty Cổ phần Dệt May Huế

► 01/2003 - 12/2014: Phó phòng Tổ chức - Hành chính Công ty Cổ phần Dệt May Huế

► 01/2015 - 03/2018: Trưởng phòng Nhân sự Công ty Cổ phần Dệt May Huế

► 04/2018 - 06/2023: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế

► 06/2023 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

► Cá nhân: 56.782 cổ phiếu, chiếm 0,28% vốn điều lệ

► Đại diện: không có

Chức vụ tại các Công ty khác

Không có

29 Báo cáo thường niên HUEGATEX 2025

THỊNH VƯỢNG KHÁCH HÀNG - PHỒN VINH CÔNG TY - HẢI HÒA LỢI ÍCH 30



3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành^(tt)

03 Ban Điều hành

Thông tin tóm tắt thành viên Ban Điều hành

04

ÔNG ĐÀO VĂN TƯ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh 1970

Trình độ chuyên môn Cử nhân Luật, Cử nhân Cao đẳng May

05

BÀ TRẦN THỊ THUẦN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã trình bày ở mục
Hội đồng quản trị

Quá trình công tác

- ▶ 12/1999 - 12/2001: Nhân viên phụ trách kỹ thuật nhà máy May Công ty Dệt May Huế
- ▶ 01/2002 - 12/2004: Chuyển trưởng chuyển may Công ty Dệt May Huế
- ▶ 01/2005 - 12/2007: Tổ trưởng Tổ kỹ thuật nhà máy May Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 01/2008 - 12/2008: Tổ trưởng Tổ KCS nhà máy Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 01/2009 - 05/2013: Nhân viên phòng QLCL Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 06/2013 - 08/2014: Phó phòng QLCL Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 09/2014 - 12/2017: Giám đốc nhà máy May 2 Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 01/2018 - 09/2018: Phó Giám đốc CN Quảng Bình kiêm Giám đốc nhà máy May Quảng Bình
- ▶ 10/2018 - 09/2021: Giám đốc nhà máy May 2 Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 10/2021 - 04/2025: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 04/2025 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- ▶ Cá nhân: 45.090 cổ phiếu, chiếm 0,22% vốn điều lệ
- ▶ Đại diện: không có

Chức vụ tại các Công ty khác

Không có



3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành (tt)

03 Ban Điều hành

Thông tin tóm tắt thành viên Ban Điều hành

06

ÔNG NGUYỄN BÁ KHÁNH TÙNG

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Năm sinh 1986

Trình độ chuyên môn Thạc sỹ Kinh tế

Quá trình công tác

- ▶ 12/2012 - 08/2014: Chuyên viên điều độ nhà máy May Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 09/2014 - 07/2018: Phó Giám đốc nhà máy May 1 Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 08/2018 - 12/2018: Phó Giám đốc Phụ trách nhà máy May 1 Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 01/2019 - 06/2020: Giám đốc nhà máy May 1 Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 03/2019 - 12/2024: Giám đốc Chi nhánh Quảng Bình Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 07/2022 - nay: Giám đốc Điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 11/2024 - nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- ▶ Cá nhân: 21.896 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ
- ▶ Đại diện: không có

Chức vụ tại các Công ty khác

- ▶ Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội

07

BÀ NGUYỄN KHÁNH CHI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Năm sinh 1982

Trình độ chuyên môn Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác

- ▶ 03/2005 - 11/2011: Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 12/2011 - 09/2019: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 10/2019 - 03/2022: Trưởng Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Dệt May Huế
- ▶ 02/2020 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 24/03/2026

- ▶ Cá nhân: 13.000, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- ▶ Đại diện: không có

Chức vụ tại các Công ty khác

- ▶ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Thịnh

4. Người lao động

Số lượng cán bộ công nhân viên (tại ngày 31/12/2025)

STT	Tính chất phân loại	Năm 2025 (Người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	4.388	100%
1	Đại học, trên Đại học	420	10%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	411	9%
3	Lao động phổ thông	3.554	81 %
B	Theo thời hạn Hợp đồng lao động	4.388	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	0	0%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	4.388	100%
C	Theo giới tính	4.388	100%
1	Nam	1.237	28%
2	Nữ	3.151	72%

Số lượng và thu nhập bình quân của người lao động qua các năm

Năm	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	4.732	4.489	4.269	4.388
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	9.625.000	8.902.000	9.708.000	10.794.000





4. Người lao động (tt)

Chính sách đối với người lao động



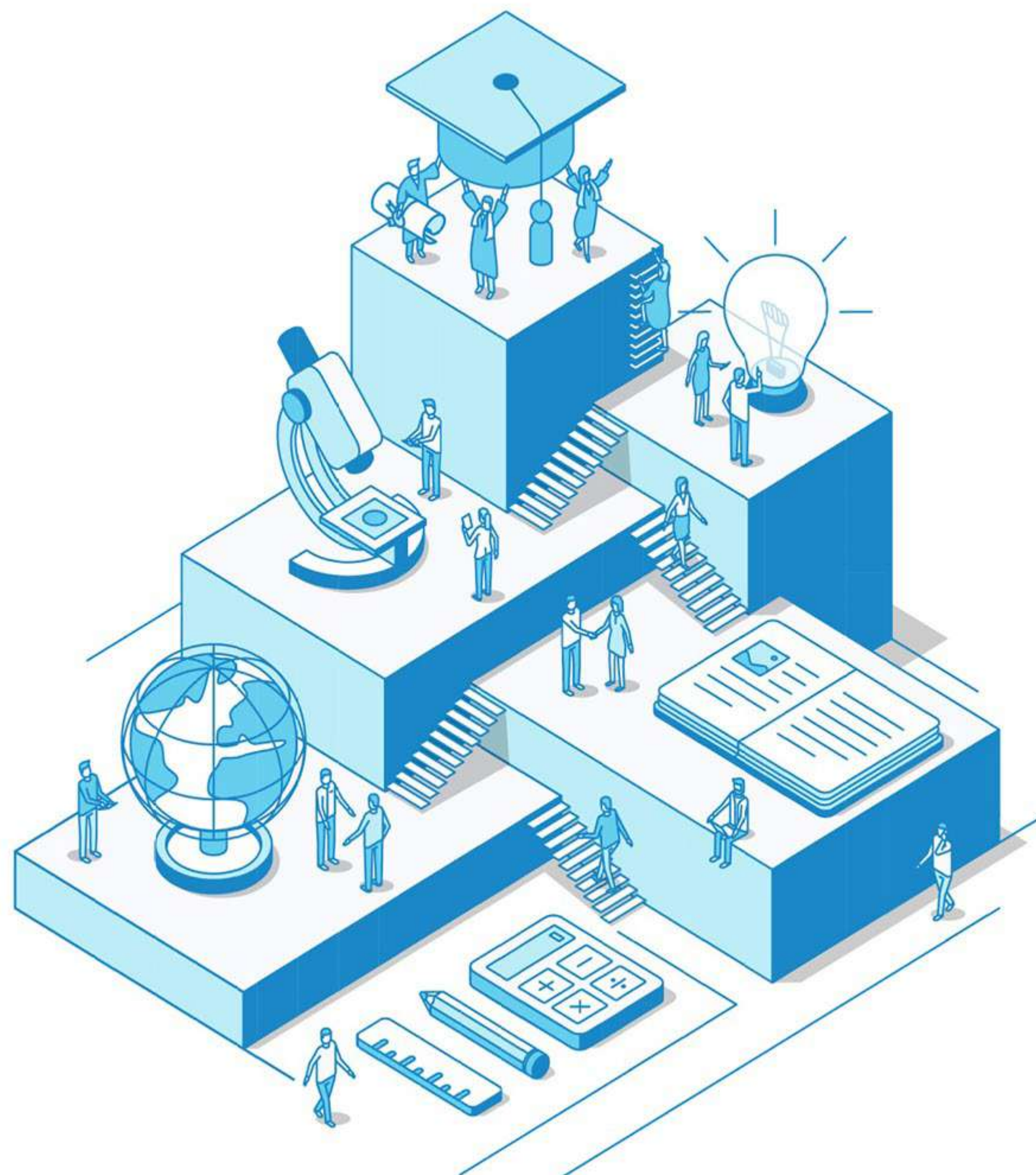
Lương thưởng, phúc lợi

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi nhằm tạo động lực gắn bó lâu dài cho người lao động, đặc biệt là đội ngũ có chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm. Đồng thời, Công ty triển khai chính sách khen thưởng dành cho cá nhân và tập thể đạt thành tích xuất sắc, cũng như những sáng kiến đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



Công tác tuyển dụng

Công ty có mục tiêu góp phần tạo ra công ăn việc làm và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội tại địa phương, và do đó ưu tiên tuyển dụng nhân sự từ các khu vực lân cận nơi Công ty đóng trụ sở. Đối với nhân viên các Phòng/Ban đòi hỏi bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm, Công ty luôn tạo điều kiện thu hút các ứng viên tốt nghiệp từ các trường đại học, cao đẳng uy tín, cũng như các ứng viên có kinh nghiệm và nhiệt huyết muốn làm việc lâu dài tại Công ty. Đối với công nhân sản xuất trực tiếp, Công ty liên tục tuyển dụng để bổ sung vào dây chuyền và cung cấp nhiều chính sách hỗ trợ.



Công tác đào tạo và môi trường công việc

Công ty chú trọng công tác đào tạo và phát triển nhân sự nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng làm việc và khả năng quản lý. Nhân viên mới được các bộ phận chuyên môn hỗ trợ, hướng dẫn để nhanh chóng hòa nhập và thích nghi với môi trường làm việc. Những nhân sự chưa có kinh nghiệm sẽ được đào tạo nghề theo lộ trình quy định, trong khi những người có kinh nghiệm sẽ được bố trí công việc phù hợp với năng lực và sở trường, đồng thời được đào tạo định kỳ để nâng cao tay nghề và phát triển kỹ năng chuyên sâu.

Đặc biệt, để xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, triển khai hiệu quả chiến lược SXKD giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2035, Công ty đã tổ chức chương trình đào tạo Kỹ sư Công nghệ Sợi - Dệt và Kỹ sư Công nghệ May trình độ Đại học cho 52 cán bộ kỹ thuật, quản lý của Công ty.

Đối với đội ngũ nhân sự tại các bộ phận nghiệp vụ và cán bộ quản lý, Công ty thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo chuyên môn, kỹ năng điều hành và quản lý nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công việc. Bên cạnh đó, các cấp quản lý và lãnh đạo cũng được tạo điều kiện tham gia các hội thảo chuyên ngành và các buổi tọa đàm nhằm cập nhật xu hướng, kiến thức mới trong lĩnh vực hoạt động của mình.

Công ty cũng đẩy mạnh xây dựng và lan tỏa văn hóa doanh nghiệp, tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, văn minh, đề cao sự tôn trọng và hiệu quả trong mọi hoạt động, từ đó góp phần nâng cao tinh thần gắn kết và động lực làm việc của toàn thể cán bộ công nhân viên.



1. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành
1	Sản xuất, kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.
2	Nhuộm và hoàn tất vải sợi.
3	Kinh doanh thiết bị, nguyên liệu thuộc ngành dệt may và các mặt hàng tiêu dùng, thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản.
4	Kinh doanh trang thiết bị văn phòng, thiết bị tạo mẫu thời trang, phương tiện vận tải và các thiết bị điện, điện tử.
5	Kinh doanh địa ốc, khách sạn, nhà nghỉ.



NGÀNH SỢI

- ▶ Năng lực sản xuất: 10.000 tấn sợi/năm
- ▶ Công ty có 1 nhà máy Sợi được trang bị 4 dây chuyền thiết bị nhập khẩu từ Đức, Thụy Sĩ, Nhật Bản.
- ▶ Sản xuất các loại sợi: sợi nổi cọc dệt thoi và dệt kim, sợi đơn, sợi xe, sợi compact, sợi thường, sợi tái chế, sợi viscose với chỉ số từ 16 đến 50.
- ▶ Nguồn nguyên liệu được nhập khẩu từ Hoa Kỳ, Brazil, Australia,...

NGÀNH DỆT NHUỘM

- ▶ Năng lực sản xuất: 1.500 tấn vải/năm
- ▶ Công ty có 1 nhà máy Dệt Nhuộm được trang bị máy móc hiện đại từ Hoa Kỳ, Châu Âu và Nhật Bản.
- ▶ Sản xuất các loại vải: vải single polyester filament, polyester filament cài spandex 5% - 12%, vải interlock, vải dệt từ sợi recycled,...

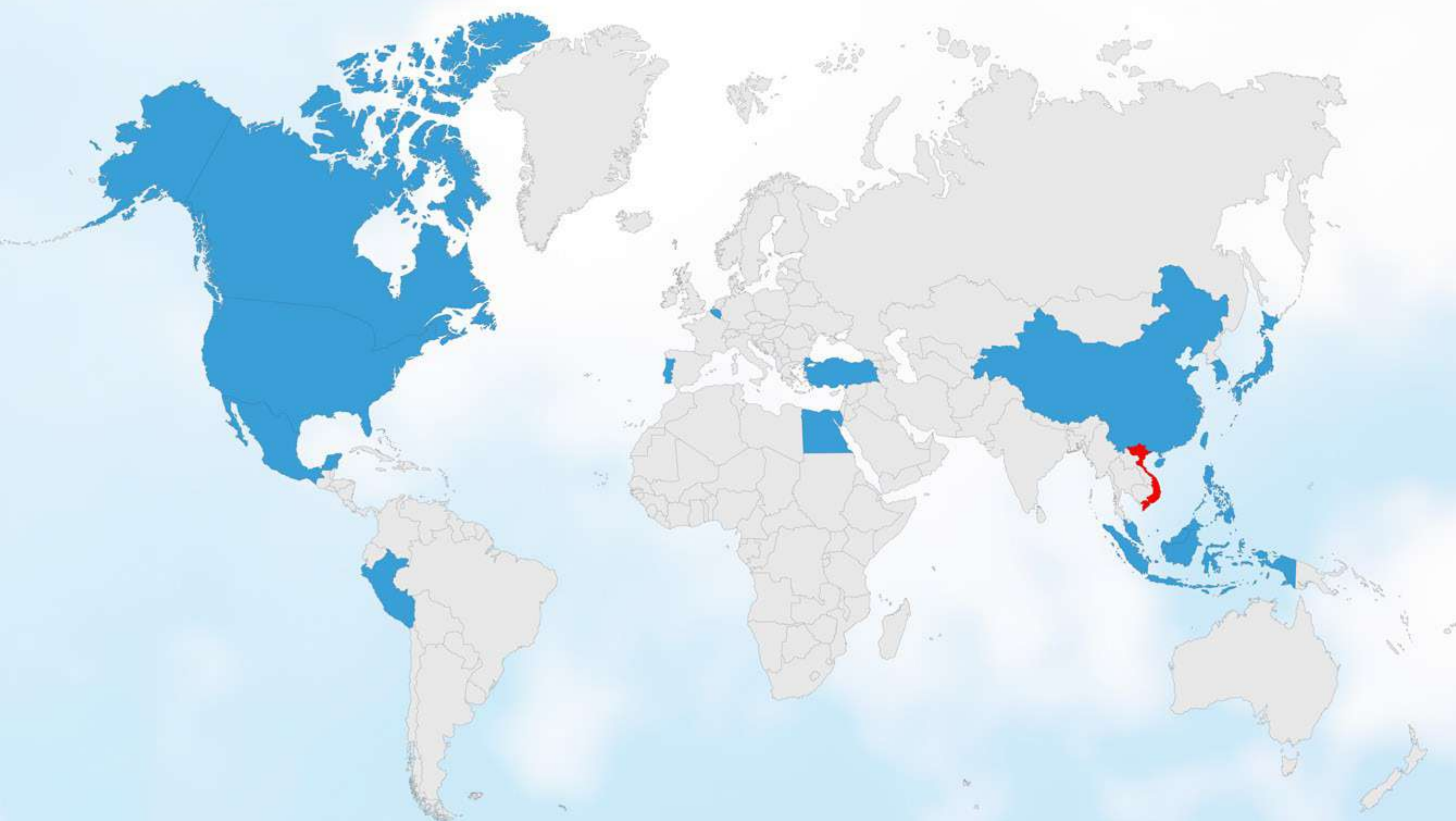
NGÀNH MAY

- ▶ Sản lượng sản xuất: 30.000.000 sản phẩm/năm
- ▶ Công ty có 5 nhà máy May, 80 chuyên may được trang bị các máy móc hiện đại nhập khẩu từ Đài Loan, Nhật Bản,... được vận hành bởi gần 4000 lao động có trình độ tay nghề cao.
- ▶ Sản phẩm chính là Polo-Shirt, T-Shirt, Jacket, quần dài, sleepwear, bra, váy,...



2. Địa bàn kinh doanh

Sản phẩm của Công ty hiện nay đang được xuất khẩu tới các thị trường lớn trên thế giới và được bán rộng rãi trên thị trường nội địa.



THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

- ▶ Hoa Kỳ
- ▶ Mexico
- ▶ Peru
- ▶ Bồ Đào Nha
- ▶ Bỉ
- ▶ Thổ Nhĩ Kỳ
- ▶ Ai Cập
- ▶ Trung Quốc
- ▶ Hồng - Kông
- ▶ Malaysia
- ▶ Indonesia
- ▶ Hàn Quốc
- ▶ Đài Loan
- ▶ Nhật Bản
- ▶ Philippines
- ▶ Hoa Kỳ
- ▶ Canada
- ▶ Hàn Quốc
- ▶ Nhật Bản



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Chiến lược phát triển

Định hướng chiến lược phát triển của Dệt May Huế trong giai đoạn 2025 - 2030 bao gồm:

NGÀNH SỢI

Đối với ngành Sợi, Công ty định vị thương hiệu là một trong những nhà cung ứng sợi với chất lượng nằm trong top đầu của Việt Nam với các sản phẩm chủ lực là 100% Cotton và CVC chải kỹ. Mở rộng thị trường xuất khẩu sang EU, Mỹ, Nhật Bản và các chuỗi Dệt nhuộm FDI, tăng tỷ trọng sợi xuất khẩu đạt từ 90% trở lên. Mục tiêu đến năm 2030, tỷ trọng sợi xuất khẩu sang các thị trường này chiếm khoảng 60% và phân phối Sợi Huegatex đến nhóm khách hàng End user với tỷ trọng từ 70% trở lên. Tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của các thương hiệu lớn như Uniqlo, Target, H&M, Zara...đảm bảo ổn định đầu ra và tối ưu hóa thể mạnh chuỗi cung ứng nội bộ. Định vị sản phẩm có chất lượng tốt nhất trong cùng phân khúc để bán giá tốt hơn thay vì cạnh tranh bằng giá rẻ, kết hợp giữa cotton với các gốc nguyên liệu nhân tạo cao cấp, tạo ra các tính năng đặc biệt như sợi kháng khuẩn, chống UV, hút ẩm nhanh, tự phân hủy sinh học.

NGÀNH

DỆT NHUỘM - MAY

Đối với ngành Dệt Nhuộm - May, Công ty định hướng sản xuất và cung cấp các sản phẩm dệt may chất lượng cao, thân thiện môi trường, mang lại giá trị cho khách hàng, người tiêu dùng. Tỷ trọng hàng xuất khẩu sang Mỹ theo lộ trình đến năm 2030 còn khoảng 60% doanh thu tiêu thụ và tỷ trọng xuất khẩu sang các thị trường Canada, Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản khoảng 40% doanh thu tiêu thụ. Đơn hàng FOB chiếm 70% tổng giá trị doanh thu, trong đó, FOB chủ động NPL chiếm 50%, FOB chỉ định chiếm 50%, phát triển ODM với tỷ trọng từ 1-2%. Định vị sản phẩm dệt kim chiếm tỷ trọng 75%, dệt thoi chiếm tỷ trọng 25%; đơn hàng dệt kim tập trung vào phân khúc tầm trung và cận cao cấp, tăng tỷ trọng đơn hàng thời trang dệt thoi nữ. Phát triển thương hiệu nội địa tập trung vào lĩnh vực hàng thể thao cận cao cấp. Phát triển các ngành phụ trợ wash, in, thêu, sản xuất 1 số loại phụ liệu đóng gói (bao, thùng,...).

Công tác nghiên cứu phát triển và đầu tư cũng sẽ được chú trọng, đặc biệt trong việc phát triển các dòng sản phẩm sợi mới như sợi kháng khuẩn, chống UV và hữu cơ. Ngành Sợi sẽ đầu tư sâu vào công nghệ sản xuất tiết kiệm năng lượng và nghiên cứu ứng dụng các công nghệ mới như kéo sợi bằng nguyên lý khí Vortex. Trong khi đó, ngành Dệt Nhuộm - May sẽ tăng cường sử dụng nguyên liệu bền vững và đẩy mạnh chuyển đổi số với các ứng dụng AI, IoT, ERP nhằm xây dựng mô hình nhà máy thông minh. Công ty cũng sẽ phát triển thương hiệu thể thao cận cao cấp FRESWAL và mở rộng năng lực sản xuất tại các nhà máy hiện hữu, hướng đến vận hành tối ưu và hiệu quả hơn.

Chiến lược nguồn nhân lực của Công ty sẽ tập trung vào đào tạo đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao trong lĩnh vực thiết kế, nghiên cứu và phân tích thị trường, tự động hóa và công nghệ thông tin. Việc xây dựng chế độ lương thưởng hấp dẫn và thành lập trung tâm hợp tác đào tạo chuyên sâu phù hợp với trình độ công nghệ (tự động hoá, AI, IoT,...) cũng được xem là giải pháp quan trọng để thu hút và giữ chân nhân tài.

Cuối cùng, Công ty sẽ thực hiện các giải pháp tài chính hướng tới việc xây dựng phương án huy động và sử dụng vốn linh hoạt, hiệu quả, áp dụng các hệ thống phân tích và báo cáo tài chính tự động trên nền tảng ERP và Big Data, đồng thời sử dụng các chỉ số tài chính để cảnh báo và quản trị rủi ro tài chính một cách hiệu quả.



2. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

Đối với Dệt May Huế, phát triển bền vững không chỉ là mục tiêu trong kinh doanh mà còn là cam kết lâu dài với môi trường và xã hội. Công ty xác định việc bảo vệ môi trường, đóng góp cho xã hội là trách nhiệm tất yếu, được lồng ghép vào mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Với định hướng phát triển toàn diện, Công ty không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng tác động tích cực, tạo nền tảng vững chắc để duy trì vị thế hàng đầu trong ngành và vươn xa trên thị trường quốc tế.

Về môi trường, Công ty đảm bảo mục tiêu "xanh hóa" nhà máy nhằm giảm phát thải CO₂, cũng như giảm các tác động tiêu cực đến môi trường như: ưu tiên sử dụng năng lượng tái tạo; sử dụng 100% đèn LED; tiết kiệm tài nguyên nước và tái sử dụng nước sinh hoạt. Đồng thời, việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên liệu đầu vào, điều độ dây chuyền sản xuất phù hợp với các khung thời gian khác nhau trong tuần và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường trong toàn bộ hệ thống là những ưu tiên hàng đầu.

Đối với xã hội, Dệt May Huế hướng đến việc đảm bảo việc làm ổn định, thu nhập bền vững trên 10 triệu đồng/người/tháng và nâng cao phúc lợi cho người lao động. Công ty chú trọng đào tạo, phát triển năng lực nhân sự, tạo môi trường làm việc an toàn, công bằng và khuyến khích tinh thần sáng tạo, gắn kết. Bên cạnh đó, Công ty luôn đồng hành cùng cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội, giáo dục, y tế và tạo thêm cơ hội việc làm cho địa phương. Dệt May Huế cũng thúc đẩy văn hóa sẻ chia, khuyến khích nhân viên tham gia các hoạt động thiện nguyện và đóng góp cho cộng đồng.

1. Rủi ro kinh tế

Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều thách thức đối với ngành dệt may trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động, chịu tác động từ lạm phát kéo dài, chính sách tiền tệ thận trọng, căng thẳng địa chính trị và xu hướng tái cấu trúc chuỗi cung ứng. Nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường chủ lực như Hoa Kỳ và châu Âu phục hồi chưa bền vững, trong khi chi phí sản xuất, logistics và tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường, lao động tiếp tục ở mức cao, gây áp lực lớn lên doanh nghiệp.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2025 kim ngạch xuất khẩu đạt 475,04 tỷ USD (tăng 17,0%), nhập khẩu đạt 455,01 tỷ USD (tăng 19,4%); Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất. Dù nền tảng thương mại vẫn ổn định, rủi ro về thuế quan và cạnh tranh quốc tế tiếp tục ảnh hưởng đến ngành dệt may.

Ngành còn đối mặt với cạnh tranh gay gắt từ Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh và biến động giá nguyên liệu. Tuy nhiên, các FTA tiếp tục mở ra cơ hội mở rộng thị trường và nâng cao vị thế trong chuỗi giá trị.

Trước bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Dệt May Huế định hướng đa dạng hóa thị trường, đẩy mạnh R&D, ứng dụng công nghệ và tự động hóa để nâng cao hiệu quả. Đồng thời, tăng cường quản trị rủi ro và xây dựng kịch bản linh hoạt nhằm đảm bảo ổn định và phát triển bền vững trong năm 2026.

2. Rủi ro lãi suất

Trong năm 2025, bối cảnh kinh tế vĩ mô còn nhiều bất định, khiến thị trường tiền tệ và lãi suất biến động khó dự đoán. Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, lãi suất cho vay bình quân bằng VND tại các ngân hàng thương mại dao động khoảng 6,6% – 9,0%/năm và có xu hướng tăng vào cuối năm.

Đối với ngành dệt may, đặc thù sử dụng vốn lưu động lớn khiến doanh nghiệp nhạy cảm với biến động lãi suất. Khi chi phí vay tăng sẽ làm gia tăng chi phí tài chính, ảnh hưởng đến lợi nhuận và năng lực cạnh tranh.

Tại Công ty Cổ phần Dệt May Huế, các khoản vay ngắn và trung hạn phục vụ sản xuất kinh doanh chịu tác động trực tiếp từ diễn biến lãi suất, làm gia tăng chi phí vốn và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

Bước sang năm 2026, chính sách tiền tệ dự kiến linh hoạt hơn, tạo điều kiện ổn định mặt bằng lãi suất, tuy nhiên rủi ro vẫn hiện hữu. Trước bối cảnh đó, Công ty định hướng kiểm soát rủi ro lãi suất thông qua tối ưu cơ cấu nợ, ưu tiên nguồn vốn ổn định, tăng cường quản trị dòng tiền và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhằm đảm bảo tăng trưởng bền vững.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh ngày càng biến động và khó dự báo, quản trị rủi ro được xác định là một trong những trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty Cổ phần Dệt May Huế. Ban lãnh đạo Công ty đã chủ động xây dựng và triển khai hệ thống quản trị rủi ro đồng bộ, có tính hệ thống và xuyên suốt trong hoạt động quản trị – điều hành, nhằm nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sự ổn định và hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng bền vững



3. Rủi ro tỷ giá

Tỷ giá VND/USD là một trong những rủi ro tài chính trọng yếu đối với ngành dệt may và Công ty Cổ phần Dệt May Huế. Với đặc thù khoảng 90% doanh thu đến từ xuất khẩu, Công ty có mức độ phơi nhiễm tỷ giá cao, khiến biến động USD tác động trực tiếp đến kết quả kinh doanh và dòng tiền.

Rủi ro phát sinh từ chênh lệch giữa nguồn thu và chi ngoại tệ: doanh thu chủ yếu bằng USD, trong khi nguyên phụ liệu nhập khẩu từ Trung Quốc, Ấn Độ cũng phát sinh nghĩa vụ thanh toán ngoại tệ. Khi VND mất giá, chi phí nhập khẩu và chi phí tài chính gia tăng, ảnh hưởng đến biên lợi nhuận; ngược lại, biến động thuận lợi có thể hỗ trợ doanh thu nhưng vẫn tiềm ẩn rủi ro khó dự báo.

Năm 2025, tỷ giá VND/USD chịu tác động từ nhiều yếu tố trong và ngoài nước nhưng được điều hành ổn định. Cuối năm, tỷ giá trung tâm đạt 25.121 VND/USD, tăng khoảng 3,2% so với đầu năm.

Trước bối cảnh đó, Công ty chủ động quản trị rủi ro tỷ giá thông qua theo dõi sát thị trường, cân đối nguồn thu – chi ngoại tệ, kiểm soát nghĩa vụ ngoại tệ và xem xét áp dụng các công cụ phòng ngừa phù hợp, nhằm hạn chế tác động bất lợi và đảm bảo ổn định hoạt động.

4. Rủi ro pháp luật

Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối của hệ thống các quy định pháp luật tại Việt Nam như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, ... và các văn bản hướng dẫn liên quan. Bên cạnh đó, các sản phẩm chủ lực của Công ty được xuất khẩu sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Châu Âu, Ai Cập, Bồ Đào Nha, Đài Loan, ... nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng chịu sự chi phối bởi các cam kết song phương và đa phương thông qua các hiệp định, quy định cụ thể. Mặc dù Việt Nam đã có những nỗ lực đáng kể trong việc hoàn thiện khung pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp hoạt động, tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số bất cập, đặc biệt là trong quá trình triển khai và thực thi các quy định.

Trước bối cảnh đó, Công ty đã và đang triển khai kế hoạch phát triển bộ phận pháp chế chuyên trách nhằm theo dõi và cập nhật kịp thời những thay đổi trong hệ thống pháp luật, đặc biệt là các điều chỉnh liên quan đến thuế, lao động, môi trường và chứng khoán. Đồng thời, Công ty chủ động tham gia các hiệp hội, diễn đàn và hội thảo chuyên ngành, tăng cường đối thoại với cơ quan quản lý để nắm bắt xu hướng chính sách, cũng như đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.



5. Rủi ro nguyên liệu đầu vào

Ngành dệt may Việt Nam vẫn phụ thuộc lớn vào nguyên vật liệu nhập khẩu, đặc biệt từ Trung Quốc, nên biến động giá, nguồn cung và chất lượng luôn là rủi ro trọng yếu, ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí và hiệu quả kinh doanh.

Trong bối cảnh kinh tế – chính trị quốc tế phức tạp, giá bông, nhiên liệu, vận tải tăng đã làm gia tăng giá thành nguyên liệu. Đồng thời, việc phụ thuộc vào các thị trường lớn như Trung Quốc cũng tiềm ẩn nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng do biến động địa chính trị và chính sách.

Bên cạnh đó, các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn bền vững theo các FTA như EVFTA, CPTPP ngày càng khắt khe, làm tăng chi phí và đòi hỏi doanh nghiệp phải kiểm soát chặt chẽ chất lượng, nguồn gốc nguyên liệu.

Trước bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Dệt May Huế tăng cường kiểm soát chất lượng và giá đầu vào, đa dạng hóa nguồn cung, tối ưu chuỗi cung ứng và phát triển quan hệ bền vững với nhà cung cấp nhằm ổn định sản xuất và bảo vệ biên lợi nhuận.



6. Rủi ro cạnh tranh

Ngành dệt may Việt Nam đang đối mặt với cạnh tranh ngày càng gay gắt trong bối cảnh thị trường toàn cầu biến động, chuỗi cung ứng tái cấu trúc và các yêu cầu về chi phí, xuất xứ, môi trường ngày càng khắt khe. Áp lực cạnh tranh không chỉ đến từ các quốc gia như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh mà còn từ sự thay đổi chính sách thương mại và xu hướng tiêu dùng.

Ở phân khúc sợi, thị trường đầu ra suy giảm rõ rệt, đặc biệt xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh do tác động từ các quy định liên quan đến bông Tân Cương của Hoa Kỳ, khiến cạnh tranh gia tăng và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Bên cạnh đó, sức mua toàn cầu yếu, xu hướng “thời trang xanh” cùng với chi phí đầu vào (điện, vận tải, lãi vay, tiền lương) gia tăng, trong khi giá bán khó điều chỉnh, làm thu hẹp lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Ngoài ra, các yếu tố bất định như thiên tai, gián đoạn sản xuất và mức độ tận dụng ưu đãi từ các FTA còn hạn chế cũng tác động đến ngành.

Trước bối cảnh đó, Công ty Cổ phần Dệt May Huế đẩy mạnh đa dạng hóa thị trường và khách hàng, ứng dụng công nghệ và số hóa để kiểm soát chi phí, đồng thời tăng cường liên kết chuỗi và đầu tư vào các khâu còn thiếu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng quy tắc xuất xứ.



7. Rủi ro nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực tiếp tục là rủi ro trọng yếu của ngành dệt may Việt Nam trong bối cảnh chi phí lao động gia tăng và cạnh tranh lao động ngày càng cao. Mức lương trong ngành đã tăng đáng kể, làm thu hẹp lợi thế chi phí so với các quốc gia như Ấn Độ, Bangladesh hay Campuchia.

Đối với Công ty Cổ phần Dệt May Huế, chi phí lao động chiếm tỷ trọng lớn nên biến động về lương, chất lượng và sự ổn định lao động ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất. Thời gian đào tạo công nhân kéo dài, cùng với rủi ro nghỉ việc và thiếu hụt lao động tay nghề, có thể làm giảm năng suất, chất lượng và tiến độ giao hàng.

Ở góc độ ngành, mô hình sản xuất chủ yếu gia công với giá trị gia tăng thấp khiến biên lợi nhuận hạn chế, khó cải thiện thu nhập và giữ chân lao động. Đồng thời, lực lượng lao động chủ yếu là phổ thông, thiếu kỹ năng cao, tạo áp lực trong bối cảnh cạnh tranh giá ngày càng gay gắt.

Trước bối cảnh đó, Công ty tiếp tục duy trì chính sách thu nhập, phúc lợi phù hợp, đồng thời đẩy mạnh đào tạo, nâng cao tay nghề, ứng dụng công nghệ và tự động hóa, hướng đến các sản phẩm có giá trị gia tăng cao nhằm nâng cao năng suất và đảm bảo phát triển bền vững.

9. Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro liên quan đến thị trường, nguyên vật liệu và môi trường, Dệt May Huế cũng phải đối mặt với các rủi ro không thể kiểm soát được, chẳng hạn như dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ và các sự cố bất ngờ khác. Những yếu tố này có thể gây gián đoạn lớn đối với hoạt động sản xuất, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, sự an toàn của nhân viên cũng như tài sản của công ty.

8. Rủi ro môi trường

Trong bối cảnh các tiêu chuẩn ESG ngày càng trở thành yêu cầu bắt buộc, rủi ro môi trường tiếp tục là rủi ro trọng yếu đối với ngành dệt may và Công ty Cổ phần Dệt May Huế. Hoạt động sản xuất dệt, nhuộm có mức tiêu thụ lớn về nước, năng lượng và phát sinh chất thải, tiềm ẩn nguy cơ tác động đến môi trường nếu không được kiểm soát chặt chẽ.

Năm 2025, các quy định về môi trường, phát thải và sử dụng năng lượng tiếp tục được siết chặt, cùng với yêu cầu từ khách hàng về chuỗi cung ứng xanh và giảm phát thải carbon ngày càng cao, làm gia tăng rủi ro tuân thủ và nguy cơ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, đơn hàng.

Công ty đã triển khai nhiều giải pháp như đầu tư năng lượng mặt trời, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, kiểm soát chất thải và xây dựng phương án ứng phó sự cố môi trường. Tuy nhiên, trước yêu cầu ESG ngày càng cao, rủi ro này vẫn cần được quản trị chủ động.

Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục đầu tư công nghệ xanh, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, giảm phát thải và hoàn thiện hệ thống quản trị môi trường theo chuẩn ESG, đồng thời tăng cường giám sát và xây dựng kịch bản ứng phó nhằm đảm bảo phát triển bền vững.



PHẦN

02

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 01 Hội đồng quản trị
- 02 Ban Kiểm soát
- 03 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành



1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm 5 thành viên. Trong đó có 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành gồm ông Nguyễn Đức Trí, ông Nguyễn Văn Phong, đáp ứng quy định về cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

Chi tiết về thành viên Hội đồng quản trị đã trình bày tại mục Thông tin về tổ chức và nhân sự tại Chương I.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong quá trình hoạt động, Hội đồng Quản trị luôn tuân thủ nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao vai trò lãnh đạo tập thể gắn liền với trách nhiệm cá nhân. Các cuộc họp định kỳ hàng quý đều do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì. Thay vì thành lập các tiểu ban chuyên trách, Hội đồng Quản trị phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, đồng thời bổ nhiệm một cán bộ làm Thư ký Hội đồng quản trị và sử dụng các cán bộ quản lý Công ty để giúp việc cho Hội đồng quản trị trong trường hợp cần thiết. Mọi Nghị quyết, Quyết định được thông qua trên cơ sở thảo luận tập thể, bảo đảm tính khách quan, phát huy tối đa trí tuệ của các thành viên, đồng thời tuân thủ đúng chức năng, thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Các thành viên chủ chốt của Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được mời tham dự tại các phiên họp của Hội đồng quản trị được tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc nhận được đầy đủ tài liệu đối với các trường hợp lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Năm 2025 Hội đồng quản trị tham dự 22 cuộc họp. Các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị cũng như lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản đều tuân thủ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được ban hành đúng thẩm quyền, đúng quy định Điều lệ Công ty, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế hoạt động và hỗ trợ tích cực cho cơ quan điều hành trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo chuyên đề hoặc theo văn bản trình của cơ quan điều hành, các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh. Trong các phiên họp, số lượng thành viên tham gia họp đảm bảo điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, các phiên họp đều có mời Trưởng Ban Kiểm soát tham gia theo quy định.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua việc hàng tháng Hội đồng quản trị có kế hoạch làm việc trực tiếp với các ngành để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh. Sau giám sát, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện một số giải pháp nhằm khắc phục các tồn tại, đẩy mạnh sản xuất và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị thành viên.





4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	103/QĐ-HĐQT	08/01/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công, dự toán phát sinh dự án đầu tư xây dựng nhà máy May 3 tầng	100%
2	123/NQ-HĐQT	13/01/2025	Về việc thông qua việc giao dịch với các đơn vị có liên quan năm 2025 và thay đổi người đại diện vốn tại Công ty Hanosimex	100%
3	124/QĐ-HĐQT	13/01/2025	Về việc cử người đại diện vốn Công ty tại Công ty Hanosimex	100%
4	125/QĐ-HĐQT	13/01/2025	Về việc tiền lương của Tổng Giám đốc	100%
5	171/NQ-HĐQT	21/01/2025	Thông qua việc thưởng HĐQT, Ban ĐH, Ban kiểm soát và Cán bộ quản lý Công ty	100%
6	289/QĐ-HĐQT	25/02/2025	Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu - Đầu tư xây dựng nhà máy May 3 tầng	100%
7	302/QĐ-HĐQT	28/02/2025	Về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
8	347/QĐ-HĐQT	11/03/2025	Về việc thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025	100%
9	356/QĐ-HĐQT	13/03/2025	Về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chi phí kiểm toán độc lập - Đầu tư xây dựng nhà máy May 3 tầng	100%
10	421/NQ-HĐQT	13/03/2025	Thông qua chi lương bổ sung cho HĐQT, BĐH và BKS, cán bộ quản lý và CBCNV Công ty quý I/2025	100%
11	424/NQ-HĐQT	31/03/2025	Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025	100%
12	428/NQ-HĐQT	31/03/2025	Thông qua việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư máy móc hoàn thành dự án Đầu tư bổ sung thiết bị nhà máy Sợi năm 2023	100%
13	453/NQ-HĐQT	08/04/2025	Về việc đánh giá kết quả SXKD quý I năm 2025 và triển khai kế hoạch nhiệm vụ quý II năm 2025	100%
14	492/QĐ-HĐQT	08/04/2025	Về tiền lương của các Phó Tổng Giám đốc Công ty	100%
15	489/QĐ-HĐQT	15/04/2025	Bổ nhiệm cán bộ ông Đào Văn Tư	100%
16	492/QĐ-HĐQT	15/04/2025	Bổ nhiệm cán bộ bà Trần Thị Thuấn	100%
17	531/NQ-HĐQT	21/04/2025	Về việc bổ sung nội dung trình bày Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
18	556/NQ-ĐHCD	25/04/2025	Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên công ty năm 2025	100%
19	598/NQ-ĐHCD	07/05/2025	Về việc phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT	100%
20	699/QĐ-HĐQT	02/06/2025	Về việc ban hành Quy chế tài chính của Công ty	100%
21	700/QĐ-HĐQT	02/06/2025	Về việc ban hành Quy chế Đầu tư của Công ty	100%
22	755/QĐ-HĐQT	19/06/2025	Về việc phê duyệt dự án Đầu tư bổ sung chiều sâu thiết bị Sợi năm 2024	100%
23	798/QĐ-HĐQT	08/07/2025	Về việc phê duyệt tổng dự toán dự án đầu tư bổ sung chiều sâu thiết bị Sợi năm 2025	100%
24	800/QĐ-HĐQT	09/07/2025	Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư cải tạo hệ thống hơi, điện tại CN Quảng Bình	100%
25	809/NQ-HĐQT	09/07/2025	Về việc đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm	100%
26	810/NQ-HĐQT	09/07/2025	Về việc khen thưởng 6 tháng đầu năm	100%
27	888/QĐ-HĐQT	25/07/2025	Về việc sắp xếp lại mô hình tổ chức Công ty Cổ phần Dệt May Huế	100%
28	1054/NQ-HĐQ	29/08/2025	Về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Huế	100%
29	1081/QĐ-HĐQT	29/08/2025	Về việc phê duyệt chủ trương dự án đầu tư kho nguyên liệu thông minh	100%
30	1094/NQ-HĐQ	12/09/2025	Về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công thương VN - Chi nhánh Huế	100%
31	1190/NQ-HĐQT	07/10/2025	Về việc đánh giá kết quả SXKD 9 tháng năm 2025	100%
32	1191/NQ-HĐQT	07/10/2025	Về việc khen thưởng hoàn thành các chỉ tiêu 9 tháng năm 2025	100%
33	1319/NQ-HĐQT	17/11/2025	Về việc tạm ứng cổ tức năm 2025	100%

5. Các chương trình về quản trị công ty mà

Hội đồng quản trị đã tham gia trong năm 2025

Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty và các cán bộ quản lý khác của Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật, đồng thời cử đại diện tham gia các buổi đào tạo, phổ biến, thảo luận các văn bản pháp luật, quy định về quản trị Công ty do Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức



1. Thành phần và cơ cấu Ban Kiểm soát

Chi tiết về thành viên Ban Kiểm soát đã trình bày tại mục Thông tin về tổ chức và nhân sự tại Chương I.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hội đồng quản trị hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động và thực hiện các công tác sau:

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã thực hiện giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty; Kiểm tra, đánh giá tính trung thực, hợp lý trong công tác ghi chép sổ sách kế toán, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm 2025 và báo cáo đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty.
- Ban Kiểm soát thường xuyên trao đổi, hội ý để nắm bắt tình hình, công tác điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi cao nhất của các cổ đông.
- Trong năm, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp để đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và hội ý để thống nhất lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

Stt	Thời gian	Chức danh	Thù lao, Lương, Thưởng
I Hội đồng quản trị			
1	Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1.219.009.000
2	Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên Hội đồng quản trị	872.494.000
3	Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000
4	Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên Hội đồng quản trị (đến 25/04/2025)	205.300.000
5	Ông Lê Hồng Quân	Thành viên Hội đồng quản trị	84.000.000
6	Bà Trần Thị Thuần	Thành viên Hội đồng quản trị (Từ 25/04/2025)	56.000.000
II Ban Kiểm soát			
1	Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng Ban Kiểm soát	348.871.697
2	Ông Hồ Nam Phong	Thành viên Ban Kiểm soát	595.496.085
3	Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	110.500.000

Stt	Thời gian	Chức danh	Thù lao, Lương, Thưởng
III Ban Điều hành			
1	Bà Nguyễn Hồng Liên	Tổng Giám đốc	1.544.456.000
2	Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc	1.177.856.172
3	Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc	1.179.738.512
4	Ông Đào Văn Tư	Phó Tổng Giám đốc	1.098.142.801
5	Bà Trần Thị Thuần	Phó Tổng Giám đốc	1.103.450.000
6	Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành	1.010.467.674
7	Bà Nguyễn Khánh Chi	Kế toán trưởng	887.334.022

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (tt)



2. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên lạc	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Cổ đông lớn - Công ty mẹ	Số 100100008, ngày cấp: 6/10/2021, nơi cấp: Sở KH và ĐT TP Hà Nội	25 Bà Triệu, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Năm 2025	Nghị quyết 123/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025	Cho thuê tài sản, đại lý bán hàng, giao dịch vay	- Giao dịch thường xuyên, dưới 20% tổng tài sản Công ty ghi trong BCTC gần nhất; - Giao dịch cho vay thường xuyên dưới 10% tổng tài sản của Công ty theo báo cáo gần nhất
2	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Tổ chức có liên quan người nội bộ	Số 400101556, ngày cấp: 28/06/2022, nơi cấp: Sở KH và ĐT TP Đà Nẵng	36 Ông Ích Đường, Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Năm 2025	Nghị quyết 123/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025	Gia công hàng may mặc. Mua bán hàng hóa.	Giao dịch thường xuyên, dưới 20% tổng tài sản Công ty ghi trong BCTC gần nhất
3	Công ty Cổ Phần Vinatex Phú Hưng	Tổ chức có liên quan người nội bộ và liên quan với cổ đông lớn	Số 3301622257, ngày cấp: 11/01/2021, nơi cấp: Sở KH và ĐT tỉnh Thừa Thiên Huế	Khu công nghiệp Phú Bài, Phường Phú Bài, TP Huế	Năm 2025	Nghị quyết 123/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025	Giao dịch mua bán nguyên liệu ngành sợi	Giao dịch thường xuyên, dưới 20% tổng tài sản Công ty ghi trong BCTC gần nhất
4	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	Tổ chức có liên quan với cổ đông lớn	Số 0100100583, ngày cấp: 03/07/2021, nơi cấp: Sở KH và ĐT Hà Nội	Số 524 Minh Khai, thành phố Hà Nội.	Năm 2025	Nghị quyết 123/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025	Gia công hàng may mặc.	Giao dịch không thường xuyên, dưới 20% tổng tài sản Công ty ghi trong BCTC gần nhất
5	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	Tổ chức có liên quan người nội bộ và liên quan với cổ đông lớn	Số 100100826, ngày cấp: 20/10/2021, nơi cấp: Sở KH và ĐT TP Hà Nội	Số 25 ngõ 13 đường Lĩnh Nam, Phường Vĩnh Tuy, TP Hà Nội,	Năm 2025	Nghị quyết 123/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025	Gia công hàng may mặc.	Giao dịch thường xuyên, dưới 20% tổng tài sản Công ty ghi trong BCTC gần nhất
6	Công ty TNHH sản xuất thương mại Thiên Tín	Bà Phạm Thị Mỹ, vợ ông Nguyễn Đức Trí - Chủ tịch HĐQT Công ty	Số 400509320, ngày cấp: 22/01/2024, nơi cấp: Sở KH và ĐT TP Đà Nẵng	19-21 Cẩm Bắc 1, Hoà Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng	Năm 2025	Nghị quyết 123/NQ-HĐQT ngày 13/01/2025	Gia công thuê hàng may	Giao dịch thường xuyên, dưới 20% tổng tài sản Công ty ghi trong BCTC gần nhất

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH (tt)



3. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty cùng các cán bộ quản lý khác luôn chủ động tìm hiểu tham gia vào các buổi hội thảo trao đổi về Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cùng với ý kiến đóng góp đến từ các đơn vị tư vấn khác nhằm nâng cao công tác quản trị, công bố thông tin, đặc biệt là trong bối cảnh Bộ Tài Chính ban hành Thông tư 68/2024/TT-BTC vào ngày 16/09/2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/11/2024 về việc yêu cầu các Công ty đại chúng quy mô lớn như HUEGATEX phải công bố thông tin song ngữ. Điều này không chỉ nâng cao trình độ quản trị doanh nghiệp của đội ngũ nhân sự Công ty mà còn cải thiện khả năng tiếp cận vốn bên ngoài, đóng góp tích cực vào việc gia tăng giá trị doanh nghiệp, giảm thiểu rủi ro, và phát triển bền vững.

Ngoài việc tập trung thực hiện đạt kết quả tốt nhất các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty, việc công khai, minh bạch các hoạt động của doanh nghiệp và việc công bố thông tin được Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Thư ký Công ty cùng các cán bộ quản lý khác đặc biệt quan tâm, thực hiện chặt chẽ, kịp thời, đúng thời hạn quy định. Song song với đó, việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên hay việc trả cổ tức cho cổ đông được Công ty thực hiện đúng thời hạn theo Luật Doanh nghiệp qua đó đảm bảo quyền lợi và lợi ích của các cổ đông.

PHẦN

03

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

- 01 Tình hình hoạt động trong năm 2025
- 02 Báo cáo của Ban Điều hành
- 03 Báo cáo của Hội đồng quản trị





1. Bối cảnh 2025



Tình hình kinh tế - chính trị - xã hội thế giới vẫn bất định và khó lường

Xung đột vũ trang Nga – Ukraine vẫn chưa đến hồi kết và có phần căng thẳng hơn bất chấp các nỗ lực đàm phán hòa bình. Bên cạnh đó, các cuộc xung đột tại khu vực Trung Đông phát sinh có những tác động lớn đến tình hình kinh tế - chính trị - xã hội thế giới.

Chính sách thuế đối ứng của Mỹ gây những biến động đối với thị trường toàn cầu, ảnh hưởng đến tâm lý tiêu dùng và xu hướng đặt hàng của các nhân hàng.

Giá điện tiếp tục tăng thêm 4,8% từ tháng 05/2025 làm tăng chi phí sản xuất các mặt hàng.

Các đợt thiên tai, bão lũ giai đoạn cuối năm gây gián đoạn sản xuất, ảnh hưởng đến tiến độ một số đơn hàng.



Nới lỏng tiền tệ chưa tác động lớn đến nhu cầu tiêu dùng

Trong năm 2025, kinh tế toàn cầu chuyển dần sang trạng thái nới lỏng tiền tệ sau khi lạm phát tại nhiều nền kinh tế lớn được kiểm soát và tiệm cận mức mục tiêu. Các ngân hàng trung ương như FED, ECB và BoE đã bắt đầu cắt giảm lãi suất, tuy nhiên với cách tiếp cận thận trọng do áp lực lạm phát lỗi vẫn còn. Xu hướng này cũng diễn ra tại các nền kinh tế mới nổi, dù có sự phân hóa nhất định.

Dù điều kiện tài chính được cải thiện, tác động của chính sách nới lỏng đến tiêu dùng vẫn hạn chế. Người dân tiếp tục chi tiêu thận trọng do thu nhập phục hồi chậm, chi phí sinh hoạt cao và niềm tin tiêu dùng chưa ổn định. Đồng thời, độ trễ chính sách và mặt bằng lãi suất cao trong quá khứ vẫn ảnh hưởng đến khả năng chi tiêu của hộ gia đình.

Bên cạnh đó, việc thắt chặt tài khóa ở một số quốc gia cũng làm giảm hiệu quả lan tỏa của chính sách tiền tệ. Nhìn chung, tiêu dùng toàn cầu năm 2025 chỉ phục hồi ở mức vừa phải và chưa tạo động lực tăng trưởng mạnh.



1.1.3. Kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng vượt bậc

Bất chấp những biến động phức tạp của tình hình địa chính trị toàn cầu và thách thức từ thiên tai, kinh tế Việt Nam năm 2025 ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng GDP đạt 8,02%, khẳng định vị thế dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng trong khu vực Đông Nam Á.

Năm 2025 cũng ghi dấu mốc lịch sử khi quy mô GDP Việt Nam chính thức vượt ngưỡng 500 tỷ USD (12.847,6 nghìn tỷ đồng), tăng 38 tỷ USD so với năm 2024. GDP bình quân đầu người ước đạt 125,5 triệu đồng (tương đương 5.026 USD), tăng 326 USD so với năm trước. Năng suất lao động đạt 245 triệu đồng/lao động (tương đương 9.809 USD), tăng 6,83% theo giá so sánh.



1.1.4. Ngành dệt may Việt Nam vững duy trì đà tăng trưởng

Năm 2025 tiếp tục được ghi nhận là một năm "vượt khó" của ngành dệt may. Kim ngạch xuất khẩu toàn ngành đạt 46 tỷ USD, tăng khoảng 5% so với năm 2024. Sản phẩm dệt may Việt Nam hiện đã có mặt tại 138 thị trường trên thế giới, trong đó Hoa Kỳ vẫn là thị trường chủ lực với kim ngạch ước đạt trên 18 tỷ USD, tăng khoảng 10%. Nhóm hàng may mặc tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, chiếm trên 38 tỷ USD tổng kim ngạch xuất khẩu.





2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 so với cùng kỳ và so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	TH 2025	TH 2025 / TH 2024	TH 2025 / KH 2025
I Sản phẩm chủ yếu							
1	Sợi các loại (Quy đổi Ne 30)	Tấn	10.911	10.960	11.467	105,1%	104,6%
2	Vải dệt kim	Tấn	1.352	1.350	1.276	94,4%	94,5%
3	Sản phẩm may	Ngàn chiếc	21.800	23.850	23.118	106,0%	96,9%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.010	2.070	2.325	115,7%	112,3%
1	Sợi	Tỷ đồng	692,3	720	721,4	104,2%	100,2%
2	May	Tỷ đồng	1.224,3	1.270	1.507,4	123,1%	118,7%
3	Khác (bao gồm Doanh thu cửa hàng và tài chính)	Tỷ đồng	93,4	80	96,2	103,0%	120,3%
III	Kim ngạch xuất khẩu tính đủ	Triệu USD	108,7	112,86	121	111,6%	107,5%
1	Sợi (kể cả KDTM)	Triệu USD	22,7	22,86	24	105,4%	104,7%
2	May	Triệu USD	86,6	90	97,3	112,4%	108,2%
IV	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	137,3	140	189,5	138%	135,3%
V	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	60	47,8	72,1	120,1%	150,8%

Về phía HUEGATEX, năm 2025 mặc dù những đơn hàng lớn có phần suy giảm, nhưng nhờ sử dụng chiến lược đa dạng hóa khách hàng, tìm kiếm những đối tác, khách hàng mới nên xuất hiện nhiều đơn hàng mới. Các nhà máy đã thực hiện tốt hoạt động sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm, quản lý tốt chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, chất lượng sản phẩm của Công ty luôn ổn định, được khách hàng tin tưởng và đánh giá cao. Việc làm, thu nhập của người lao động được giữ vững ổn định.



2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 so với cùng kỳ và so với kế hoạch ^(tt)

Tổng doanh thu năm 2025 đạt 2.325 tỷ đồng, tăng trưởng 15,7% so với năm 2024, đạt 112,3% so với kế hoạch năm 2025. Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 121 triệu USD, tăng trưởng 11,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, đóng góp của các lĩnh vực chủ lực của Công ty như sau:

LĨNH VỰC SỢI

Trong năm 2025, sản lượng sợi sản xuất đạt 11.467 tấn, tương đương 104,6% kế hoạch năm, tăng 5,1% so với cùng kỳ năm 2024. Kết quả này cho thấy hoạt động sản xuất được duy trì ổn định, năng lực vận hành được khai thác hiệu quả, góp phần hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra.

Doanh thu tiêu thụ sợi năm 2025 đạt 721,4 tỷ đồng, bằng 100,2% kế hoạch năm, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù thị trường có nhiều biến động trong giai đoạn cuối năm, hoạt động tiêu thụ vẫn được duy trì, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu doanh thu.

Lợi nhuận ngành Sợi đạt 33 tỷ đồng, tương ứng 183,3% kế hoạch năm, tăng mạnh 142,6% so với cùng kỳ năm 2024. Đây là kết quả tích cực, phản ánh hiệu quả trong công tác quản trị chi phí, tối ưu hóa sản xuất và tận dụng tốt các điều kiện thị trường thuận lợi trong giai đoạn đầu năm.



Lĩnh vực Dệt Nhuộm - May

Năm 2025, ngành Dệt Nhuộm – May ghi nhận kết quả hoạt động với những điểm sáng đan xen thách thức. Doanh thu tiêu thụ sản phẩm May đạt 1.507 tỷ đồng, bằng 118,7% kế hoạch năm, tăng 23,1% so với cùng kỳ; lợi nhuận toàn ngành đạt 147 tỷ đồng, đạt 128,2% kế hoạch, tăng 28,7% so với năm trước. Tuy nhiên, do chịu sự ảnh hưởng từ biến động thị trường, sản lượng vải thành phẩm chỉ đạt 1.276 tấn, tương đương 94,5% kế hoạch năm, giảm 5,6% so với cùng kỳ năm 2024.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai thực hiện 7 dự án đầu tư. Các dự án đã bám sát kế hoạch đề ra, công tác chuẩn bị đầu tư, đấu thầu và tổ chức thực hiện được thực hiện đồng bộ. Các dự án đã hoàn thành được đưa vào khai thác có hiệu quả.



4. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025 /2024
1	Tổng giá trị tài sản	1.136.855	1.375.774	121,02%
2	Doanh thu thuần	1.953.401	2.271.465	116,28%
3	Giá vốn hàng bán	1.694.683	1.927.922	113,76%
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	133.847	185.541	138,62%
5	Lợi nhuận khác	3.485	3.915	112,33%
6	Lợi nhuận trước thuế	137.332	189.456	137,96%
7	Lợi nhuận sau thuế	109.403	150.784	137,82%
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	43,90%	31,82%	72,49%
9	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	30% (*)	30%(**)	100,00%

(*) Tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền lần 1 với tỷ lệ 10%/cổ phiếu được thanh toán vào ngày 25/07/2024 và tạm ứng Tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền lần 2 với tỷ lệ 20%/cổ phiếu được thanh toán vào ngày 17/02/2025.

(**) Tạm ứng cổ tức năm 2025 bằng tiền lần 1 với tỷ lệ 15%/cổ phiếu được thanh toán vào ngày 26/01/2026.

Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ghi nhận mức tăng trưởng tích cực so với năm 2024. Doanh thu thuần tăng 16,28% so với cùng kỳ, trong khi giá vốn hàng bán chỉ tăng 13,76%. Sự chênh lệch này chủ yếu nhờ vào việc gia tăng tỷ trọng đơn hàng FOB và mở rộng thêm năng lực bằng các đối tác vệ tinh gia công hàng cho Công ty, qua đó cải thiện đáng kể lợi nhuận gộp.

Nhờ những yếu tố thuận lợi kể trên, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 150.784 triệu đồng. Song song với việc đạt kết quả kinh doanh khả quan, Công ty đã thực hiện đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và thực hiện dự án Nhà máy May 3 tầng (tăng tài sản cố định dở dang dài hạn 86 tỷ) nên tổng tài sản Công ty tăng 21,02% so với thời điểm kết thúc năm 2024. Bên cạnh đó, tình hình tài chính của Công ty vẫn duy trì sự ổn định, linh hoạt và thích ứng tốt với biến động thị trường.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	1,42
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,84	1,09
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	63,64	62,21
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	175,05	164,64
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	4,92	5,32
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,95	7,37
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,67	1,81
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	5,60	6,64
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	%	27,76	32,32
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	9,34	12,00
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,85	8,17

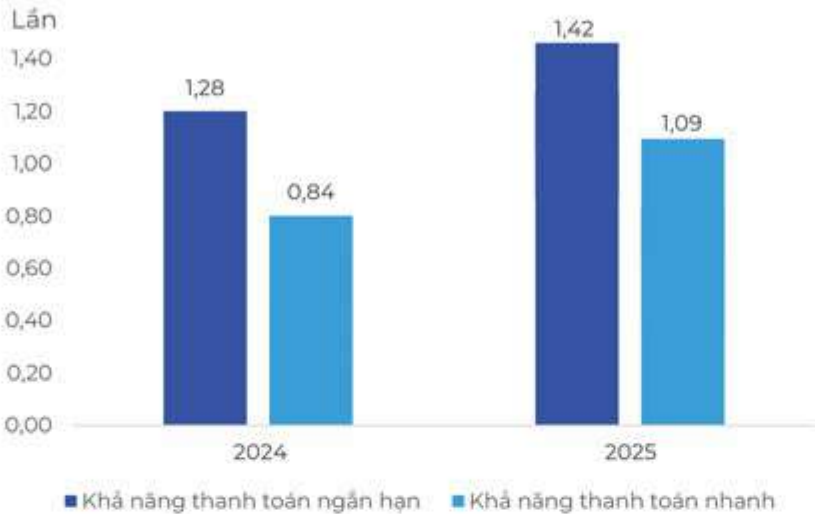


4. Tình hình tài chính (tt)



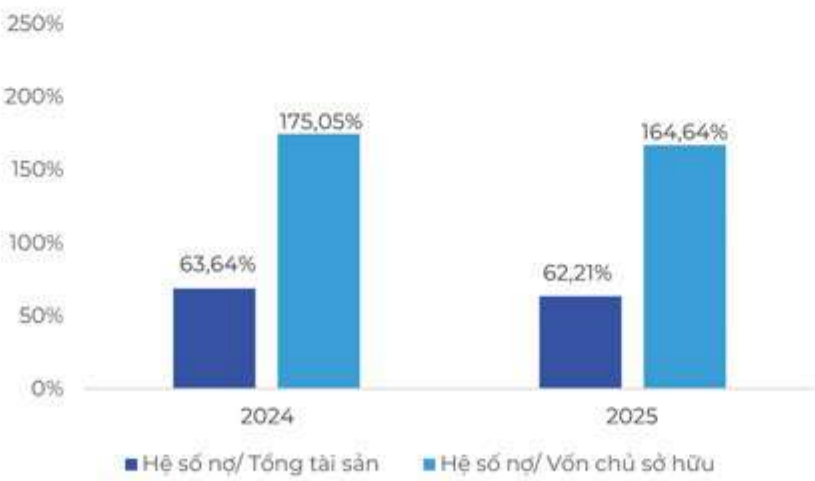
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Tình hình về khả năng thanh toán của Công ty ghi nhận thời điểm cuối năm 2025 cải thiện rõ rệt so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,28 lần lên 1,42 lần (tăng 11%), còn hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,84 lần lên 1,09 lần (tăng 30%), phần lớn do tác động từ thay đổi trong chính sách tài chính. Cụ thể, thời điểm cuối năm 2024, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cao (351.451 triệu đồng) để duy trì khả năng thanh toán. Đến năm 2025, dòng tiền thu vào từ hoạt động sản xuất kinh doanh tốt nên Công ty có điều kiện duy trì số dư tiền và tương đương tiền khá cao (130.891 triệu đồng – tăng gần 142% so với cùng kỳ năm 2024) và số dư tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng đạt 188.000 triệu đồng (tăng 248% so với cùng kỳ năm 2024) để tận dụng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cao và cân nguồn vốn đối ứng cho dự án xây mới nhà máy May 3 tăng.



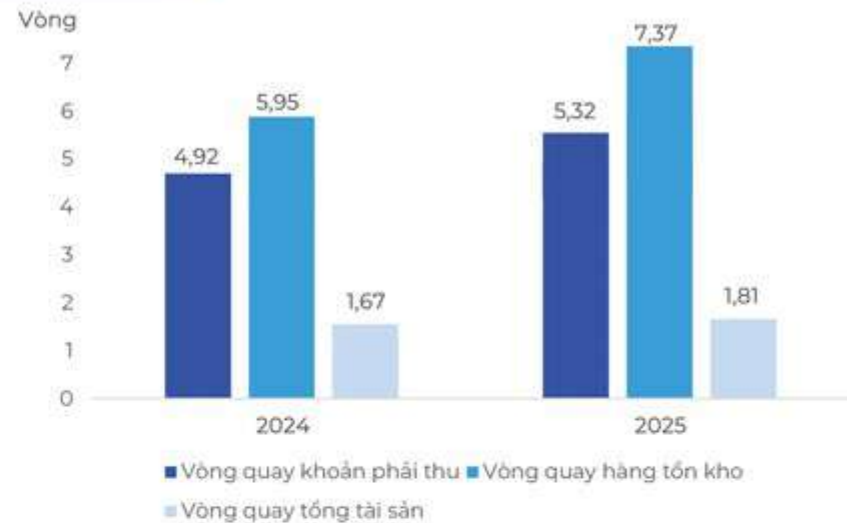
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Công ty tiếp tục giảm tỷ trọng nợ phải trả trong cơ cấu nguồn vốn. Cụ thể, tại thời điểm cuối năm 2025, hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản giảm từ 63,64% xuống 62,21%, trong khi hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu cũng điều chỉnh từ 175,05% xuống 164,64%. Việc duy trì đòn bẩy tài chính là đặc thù của Công ty trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hàng may mặc, nơi có tỷ lệ luân chuyển vốn cao, đòi hỏi nguồn tài trợ phù hợp để đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh liên tục. Sự điều chỉnh này không chỉ phản ánh khả năng chủ động của Công ty trong việc cân đối cơ cấu vốn, mà còn cho thấy uy tín vững chắc đối với các ngân hàng thương mại, đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn vốn khi cần thiết.



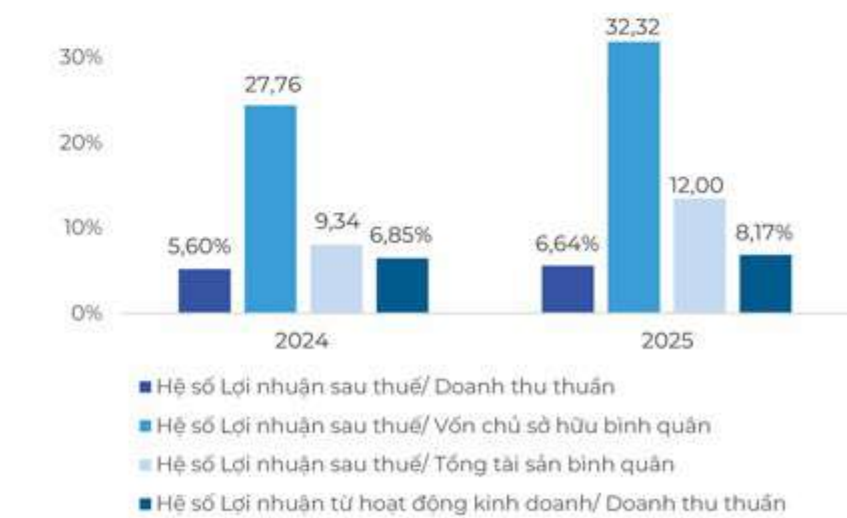
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Doanh thu năm 2025 tiếp tục đà tăng trưởng khi tăng 16,28% so với năm 2024, góp phần nâng cao hầu hết các chỉ số phản ánh năng lực hoạt động của Công ty. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho tăng từ 5,95 vòng lên 7,37 vòng, trong khi vòng quay tổng tài sản cũng cải thiện từ 1,67 vòng lên 1,81 vòng. Những chỉ số này cho thấy Công ty đang khai thác hiệu quả các lợi thế về cơ sở vật chất và quan hệ khách hàng để thúc đẩy tăng trưởng, đẩy nhanh việc bán hàng tồn kho (số dư hàng tồn kho giảm 14,90% so với cùng kỳ), việc rút ngắn chu kỳ giải phòng hàng tồn (giảm 11,3 ngày so với năm 2024) đã tạo điều kiện thu được dòng tiền về nhanh hơn so với trước đây (giảm 7,5 ngày). Từ đó, tỷ lệ dòng tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh/LNST đạt 181% là minh chứng cho khả năng chuyển lợi nhuận thành tiền mặt mạnh mẽ của Công ty.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhờ tận dụng tốt các cơ hội từ biến động tình hình thế giới, các hệ số phản ánh khả năng sinh lời của Công ty đều tăng so với năm trước. cụ thể, ROS, ROAE, ROAA, Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần tăng lần lượt từ 5,64%, 27,76%, 9,34%, 6,85% lên 6,64%, 32,32%, 12,00%, 8,17%. Việc đồng loạt tăng trưởng ở các chỉ số trên cho thấy Công ty không chỉ cải thiện khả năng sinh lời mà còn nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản. Điều này khẳng định sự chủ động trong chiến lược tài chính, khả năng thích ứng với thị trường và nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp Công ty duy trì vị thế vững chắc trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều biến động.





1. Kết quả kinh doanh thực hiện so với kế hoạch 2025

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	TH 2025	TH 2025/ KH2025
I Sản phẩm chủ yếu					
1	Sợi các loại (Quy đổi Ne 30)	Tấn	10.960	11.467	104,6%
2	Vải dệt kim	Tấn	1.350	1.276	94,5%
3	Sản phẩm may	Ngàn chiếc	23.850	23.118	96,9%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.070	2.325	112,33%
1	Sợi	Tỷ đồng	720	721	100,20%
2	May	Tỷ đồng	1.270	1.507	118,70%
3	Khác	Tỷ đồng	80	96	120,53%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	140	189,5	135,33
1	Lợi nhuận ngành Sợi	Tỷ đồng	18	32,6	180,91%
2	Lợi nhuận ngành May	Tỷ đồng	116	147,4	127,03%
3	Lợi nhuận ngành khác	Tỷ đồng	6	7,8	130,67%
IV	Tổng khấu hao trích trong năm	Tỷ đồng	62	59,5	95,7%
V	Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ	%	30	30	100%
VI	Thu nhập bình quân	Triệu/người/tháng	9,652	10,793	111,8%

2. Đánh giá về kết quả hoạt động



Về công tác thị trường

- Đối với thị trường Sợi:** Trong 6 tháng đầu năm 2025, thị trường sợi tương đối ổn định, giá cả duy trì ở mức hợp lý, không có biến động lớn. Điều này tạo điều kiện thuận lợi để ngành Sợi triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra. Tuy nhiên, từ Quý III/2025, thị trường bắt đầu chịu tác động tiêu cực từ các yếu tố kinh tế và chính trị toàn cầu. Nhu cầu tiêu thụ suy giảm, mức độ cạnh tranh gia tăng, dẫn đến xu hướng giảm giá bán. Những yếu tố này đã tạo áp lực nhất định lên hoạt động tiêu thụ và hiệu quả kinh doanh trong giai đoạn cuối năm. Bằng những giải pháp linh hoạt trong điều hành sản xuất, thị trường và quản trị chi phí ngành Sợi đã đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu quan trọng trong năm 2025, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận.
- Đối với thị trường May:** Trong 6 tháng đầu năm 2025, công tác thị trường và đơn hàng có nhiều điểm khởi sắc, nổi bật là sự tăng trưởng mạnh của đơn hàng FOB với mức tăng gần 50% về doanh thu so với cùng kỳ. Công ty đã chủ động mở rộng năng lực sản xuất thông qua các nhà máy vệ tinh nhằm tận dụng cơ hội thị trường và gia tăng doanh thu. Mặc dù chịu tác động từ các chính sách thuế quan, nhờ việc chuẩn bị kế hoạch đơn hàng từ sớm, hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn được duy trì ổn định.
Tuy nhiên, từ Quý III/2025, thị trường bắt đầu diễn biến theo chiều hướng bất lợi dưới tác động của chính sách thuế và sự suy giảm mạnh của nhu cầu tiêu dùng. Dù giai đoạn cuối năm thường gắn với nhiều dịp lễ hội, phần lớn khách hàng đều có xu hướng yêu cầu giảm giá sâu, cắt giảm sản lượng đặt hàng hoặc chưa xây dựng kế hoạch cho mùa tiếp theo. Những yếu tố này đã tạo áp lực đáng kể lên hoạt động sản xuất kinh doanh trong những tháng cuối năm nhưng với khả năng thích ứng nhanh với những biến động của thị trường, ngành May vẫn duy trì được tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận.



2. Đánh giá về kết quả hoạt động (tt)

Về công tác quản trị sản xuất

Các nhà máy đã thực hiện tốt hoạt động sản xuất, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm, quản trị tốt chi phí. Đồng thời, Công ty đã từng bước áp dụng các giải pháp công nghệ 4.0, chuyển đổi số, tự động hóa vào quản trị và sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, chất lượng sản phẩm của Công ty luôn ổn định, được khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.

Về công tác tài chính

Công ty luôn đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty, sử dụng nhiều công cụ tài chính để cân đối dòng tiền, đảm bảo thanh toán, duy trì số dư tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính phù hợp, tiết kiệm chi phí tài chính cho Công ty, công tác báo cáo thuế, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo Tập đoàn hàng tháng, hàng quý được thực hiện nghiêm túc, đúng tiến độ quy định, chất lượng báo cáo ngày càng được chú trọng.

Về công tác đầu tư

Năm 2025, công tác đầu tư được triển khai đồng bộ với 07 dự án theo kế hoạch, cơ bản đảm bảo mục tiêu đề ra. Tiến độ và chất lượng các dự án nhìn chung được kiểm soát tốt, trong đó các dự án hoàn thành đã đưa vào vận hành hiệu quả, phục vụ sản xuất





3. Tình hình tài chính



Tình hình tài sản

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	820.075	72,14%	1.019.646	74,11%	24,34%
Tài sản dài hạn	316.781	27,86%	356.128	25,89%	12,42%
Tổng tài sản	1.136.855	100,00%	1.375.774	100,00%	21,02%

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng nên có cơ cấu tài sản tập trung chủ yếu vào tài sản ngắn hạn. Tại thời điểm cuối năm 2025, tỷ trọng giữa tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn không có sự biến động đáng kể so với cuối năm 2024. Tuy nhiên, xét về giá trị tuyệt đối, tổng tài sản ghi nhận tăng 21,02% so với cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty thực hiện đầu tư dự án Nhà máy May 3 tầng và đầu tư mua sắm máy móc thiết bị để thay thế các máy móc thiết bị cũ, lỗi thời. Bên cạnh đó, Công ty duy trì số dư các khoản “Tiền và các khoản tương đương tiền” cùng “Đầu tư tài chính ngắn hạn” lớn (đạt 318.891 triệu đồng – tăng 195% so với cuối năm trước) đã góp phần tạo ra được hiệu quả tài chính tốt từ lãi suất tiền gửi và duy trì khả năng thanh toán nhanh an toàn cho Công ty (chỉ tiêu thanh toán nhanh tăng 30% so với cùng kỳ năm 2024). Công ty vẫn duy trì hiệu quả công tác kiểm soát hàng tồn kho và quản lý các khoản phải thu ngắn hạn, góp phần đảm bảo dòng tiền vận hành ổn định.



Tình hình nợ phải trả

Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		% tăng/giảm
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	642.644	88,82%	717.219	83,80%	11,60%
Tài sản dài hạn	80.878	11,18%	138.696	16,20%	71,49%
Tổng tài sản	723.522	100,00%	855.915	100,00%	18,30%

Là doanh nghiệp thuộc ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, Công ty có nhu cầu vốn lưu động lớn, dẫn đến tỷ trọng nợ ngắn hạn thường chiếm ưu thế trong cơ cấu nợ phải trả. Đến cuối năm 2025, cơ cấu giữa nợ ngắn hạn và nợ dài hạn có biến động đáng kể so với cùng kỳ năm trước khi tỷ trọng nợ ngắn hạn giảm 5,02 điểm phần trăm so với tại thời điểm 31/12/2024. Tuy nhiên, xét về giá trị tuyệt đối, tổng nợ ngắn hạn ghi nhận tăng 11,60% so với cuối năm 2024. Nguyên nhân chính đến từ việc Công ty tăng vay ngắn hạn để tận dụng ưu đãi chi phí lãi vay thấp (tăng 8,21%) và khoản phải trả người lao động tăng 27,88% đến từ việc Công ty tăng quỹ lương dự phòng để đối phó với những biến động khó lường của thị trường trong giai đoạn cuối năm 2025 đầu năm 2026.



4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Về công tác nguồn nhân lực

Trong năm 2025, số lượng lao động bình quân của Công ty đạt 4.349 người, tăng 1,4% (tương đương 60 người) so với năm 2024. Tỷ lệ lao động nghỉ việc chủ yếu do thay đổi công việc và chăm con nhỏ vẫn chiếm tỷ lệ cao nhất, qua đó cho thấy việc cạnh tranh lao động không chỉ nằm ở các Công ty cùng ngành mà còn ở các ngành nghề khác, không chỉ là các ngành nghề tự do mà đặc biệt là trong bối cảnh Thành phố Huế đang thu hút rất nhiều dự án đầu tư, nhiều Công ty mới được mở ra với chính sách thu hút lao động, tiền lương, môi trường làm việc hấp dẫn và thời gian phù hợp sẽ là một bài toán khó đòi hỏi Công ty phải có nhiều chính sách thu hút, đào tạo và giữ chân lao động. Bên cạnh đó, là cơ sở để Công ty đặc biệt chú trọng vào công tác đầu tư máy móc thiết bị nhằm thay đổi đối tượng lao động đòi hỏi tay nghề may thành lao động có trình độ chuyên môn và cải thiện môi trường làm việc.

Nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra ổn định, Công ty đã thực hiện sắp xếp mô hình tổ chức, đáp ứng yêu cầu phát triển và định hướng chiến lược của Công ty trong giai đoạn 2025-2030. Có thể đánh giá rằng, công tác cán bộ trong năm 2025 được thực hiện quyết liệt, mạnh dạn, đúng tinh thần chủ trương tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả.

- Bổ nhiệm 02 Phó Tổng Giám đốc khối Dệt Nhuộm – May, giao nhiệm vụ 01 Phó Tổng Giám đốc kiêm nhiệm GD CN Quảng Bình.
- Điều động, miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức danh cấp Trưởng, Phó của các đơn vị Nhà máy May, nhà máy Sợi, các đơn vị thuộc khối Văn phòng Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu mô hình tổ chức mới.
- + Miễn nhiệm 01 Giám đốc Nhà máy May 1; 01 Trưởng CHKDGTSP; 01 Trưởng ban Đời sống; 01 Phó ban Đời sống; 02 Phó ban Bảo vệ; 02 Phó phòng Y tế; 01 Phó ban KSNB; 01 Phó phòng KD Sợi.
- + Bổ nhiệm 01 Phó Phòng TT May 2; 02 Phó phòng NCPT; 01 Phó GD tập sự Nhà máy Sợi; 01 Phó phòng phụ trách Văn phòng; 02 Phó phòng Văn phòng
- + Giao nhiệm vụ Giám đốc Nhà máy May 2 kiêm nhiệm GD Nhà máy May 1.

Về công tác hệ thống

Trong năm 2025, Công ty đã tiếp đón và vượt qua tất cả các đợt đánh giá của khách hàng về hệ thống TNXH, An ninh, QLCL, môi trường liên quan đến các tiêu chuẩn quan trọng như SLCP, WRAP, SCAN, GRS, Higg FEM, ISO 14001... Các cuộc đánh giá của khách hàng quan trọng như Kohl's, Gymshark đều đạt kết quả tốt và chứng nhận trong 1,5 - 2 năm.

Về công tác chuyển đổi số

Công ty đã xây dựng, triển khai phần mềm quản trị sản xuất ngành May tại các nhà máy May, phát triển phần mềm quản trị sản xuất ngành Dệt Nhuộm, phần mềm quản lý nhân sự, phần mềm quản lý văn bản và các phần mềm phục vụ công tác hành chính, văn phòng.

5. Kế hoạch, giải pháp năm 2026



Kế hoạch sản xuất kinh doanh

Hiện tại Kế hoạch này chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Kế hoạch sản xuất kinh doanh chính thức sẽ được thể hiện tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2026
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.070
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	175,5
3	Tổng khấu hao trích trong năm	Tỷ đồng	72,6
4	Kim ngạch xuất khẩu tính đủ	Triệu USD	116,2
Các sản phẩm chủ yếu			
5	• Sản lượng sợi (Ne30)	Tấn	11.550
	• Sản lượng vải	Tấn	1.000
	• Sản phẩm may	Triệu sản phẩm	23,8
6	Thu nhập bình quân	Đồng/người/tháng	11.450.000



5. Kế hoạch, giải pháp năm 2026



Các giải pháp thực hiện



Lĩnh vực Sợi:

- Cơ cấu lại phân khúc sản phẩm và thị trường tiêu thụ theo hướng ưu tiên các dòng sợi chất lượng cao, có giá trị gia tăng, phù hợp với năng lực thiết bị và nhu cầu thị trường; tập trung vào các thị trường và khách hàng mang lại hiệu quả ổn định, giảm rủi ro phụ thuộc.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới một cách có chọn lọc, bám sát nhu cầu thị trường và năng lực công nghệ hiện có; không chạy theo số lượng, mà tập trung vào các dòng sản phẩm có khả năng tiêu thụ thực tế và hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác quản trị chất lượng, coi đây là yếu tố then chốt để giữ khách hàng và ổn định sản xuất. Ngành Sợi tập trung kiểm soát đồng bộ từ nguyên liệu đầu vào, thông số công nghệ đến trách nhiệm của đội ngũ quản lý trực tiếp tại từng công đoạn, bảo đảm chất lượng sản phẩm ổn định và đồng đều.

- Nâng cao năng suất lao động và hiệu quả khai thác thiết bị, thông qua việc cải tiến tổ chức sản xuất, chuẩn hóa quy trình vận hành và khai thác tối đa công suất các dây chuyền đã đầu tư; lấy năng suất trên nền tảng chất lượng ổn định làm thước đo hiệu quả điều hành.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí gắn với đẩy mạnh số hóa trong quản trị sản xuất, tập trung vào các khoản mục chi phí lớn như nguyên liệu, điện năng, vật tư phụ tùng và vận hành; đồng thời tăng cường ứng dụng các công cụ số để kết nối dữ liệu, giảm thao tác thủ công, nâng cao tính minh bạch và hỗ trợ công tác điều hành kịp thời, chính xác.



Lĩnh vực Dệt Nhuộm:

- Tập trung đầu tư và sắp xếp lại năng lực sản xuất Dệt – Nhuộm theo hướng đồng bộ, hiệu quả, phù hợp với nhu cầu nguyên liệu cho ngành May. Các hạng mục đầu tư được triển khai có trọng tâm, gắn với việc cải tạo mặt bằng, bố trí lại thiết bị và nâng cao hiệu suất khai thác dây chuyền hiện có.

- Đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển sản phẩm vải mới, phát huy thế mạnh của Công ty và từng bước thay thế các loại vải đang phải nhập khẩu cho đơn hàng May.

- Nâng cao năng suất lao động và hiệu quả khai thác thiết bị, thông qua các giải pháp cải tiến công nghệ, tổ chức lại ca kíp sản xuất và tăng hiệu suất huy động máy. Mục tiêu là khai thác tối đa công suất thiết bị trên nền tảng chất lượng ổn định, giảm thời gian dừng máy và nâng cao sản lượng dệt – nhuộm.

- Tập trung kiểm soát chi phí và giảm giá thành sản phẩm, coi đây là yếu tố then chốt để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tăng cường công tác quản lý môi trường và phát triển bền vững, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và tiêu chuẩn của khách hàng, đặc biệt là các yêu cầu về xử lý nước thải, hóa chất và tiêu chuẩn ZDHC.

Lĩnh vực May

- Tổ chức vận hành hiệu quả Nhà máy May 3 tầng, bảo đảm nhanh chóng đưa nhà máy vào hoạt động ổn định, khai thác tối đa công suất thiết kế; chủ động sắp xếp mặt bằng, bố trí, điều chuyển nhân lực hợp lý để phát huy hiệu quả đầu tư và vai trò trung tâm sản xuất của nhà máy.

- Đẩy mạnh phát triển thị trường, nâng tỷ trọng đơn hàng FOB và khách hàng có giá trị cao, phù hợp với năng lực sản xuất và định hướng phát triển dài hạn của Công ty; từng bước nâng cao hiệu quả và biên lợi nhuận của ngành May.

- Ổn định đơn hàng cốt lõi, ưu tiên các đơn hàng lặp lại, quy mô lớn và khách hàng truyền thống nhằm bảo đảm phần lớn năng lực sản xuất được khai thác ổn định, tạo nền tảng vững chắc cho việc tổ chức sản xuất và điều hành chi phí.

- Từng bước giảm trung gian, tiến tới tiếp cận trực tiếp khách hàng cuối cùng, qua đó nâng cao tính chủ động trong tiếp nhận đơn hàng, cải thiện hiệu quả thương mại và tăng vị thế của Dệt May Huế trong chuỗi giá trị.

- Tập trung tăng năng suất lao động gắn với đẩy mạnh số hóa và kiểm soát chi phí sản xuất, thông qua cải tiến quy trình, ứng dụng công nghệ và quản trị chặt chẽ các khoản mục chi phí lớn; bảo đảm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh song hành với ổn định chất lượng và thu nhập người lao động.

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai



Các giải pháp thực hiện kế hoạch

Lĩnh vực Nội chính



- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả theo lộ trình rõ ràng, gắn với làm rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và thẩm quyền của từng đơn vị, từng vị trí; bảo đảm bộ máy vận hành thông suốt, không chồng chéo.
- Tập trung phát triển đội ngũ lãnh đạo, quản lý kế cận, chú trọng công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, bảo đảm có đủ năng lực triển khai tại hiện trường, đáp ứng yêu cầu điều hành trong giai đoạn mới và tạo sự kế thừa ổn định cho các
- Đổi mới công tác đánh giá, giữ chân và tạo động lực cho người lao động. Việc đánh giá nhân sự được thực hiện theo hướng gắn với kết quả, hiệu quả công việc; đồng thời nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế lương, thưởng và phúc lợi phù hợp, nhằm giữ chân lực lượng lao động nòng cốt, ổn định sản xuất và nâng cao năng suất lao động.
- Triển khai đồng bộ các nội dung ESG gắn với yêu cầu thị trường và khách hàng. ESG được xác định không làm hình thức, mà gắn trực tiếp với hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu của khách hàng và định hướng phát triển thị trường, đặc biệt là các thị trường có yêu cầu cao như Mỹ, EU; qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và tính bền vững của Công ty.
- Bảo đảm an toàn, kỷ luật và môi trường làm việc bền vững, tiếp tục tăng cường kiểm soát công tác PCCC, an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, an ninh – an toàn trong toàn hệ thống; đồng thời chú trọng cải thiện điều kiện làm việc, cảnh quan và phúc lợi, tạo môi trường làm việc ổn định, lâu dài cho người lao động.



Lĩnh vực Tài chính

- Cân đối và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư, tập trung quản trị chặt chẽ dòng tiền, bảo đảm đủ vốn cho hoạt động vận hành thường xuyên, đồng thời bố trí nguồn vốn hợp lý cho các dự án đầu tư trọng điểm; kiên định nguyên tắc sử dụng vốn hiệu quả, tránh dàn trải và hạn chế rủi ro tài chính.
- Chủ động quản trị rủi ro về tỷ giá và lãi suất, theo dõi sát diễn biến của các đồng tiền và lãi suất thường phát sinh giao dịch, kịp thời cảnh báo rủi ro và điều chỉnh các phương án tài chính, bảng tính giá thành phù hợp, nhằm hạn chế tác động bất lợi đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đẩy mạnh số hóa, phân tích và minh bạch dữ liệu tài chính, từng bước ứng dụng các phần mềm phân tích, trực quan hóa dữ liệu và các công cụ hỗ trợ phù hợp để nâng cao chất lượng báo cáo tài chính; bảo đảm dữ liệu chính xác, kịp thời, minh bạch, phục vụ hiệu quả công tác điều hành và ra quyết định.
- Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục thoái vốn tại các doanh nghiệp, triển khai đúng lộ trình, tuân thủ quy định pháp luật, bảo đảm an toàn vốn và hiệu quả tài chính, góp phần cơ cấu lại danh mục đầu tư và tập trung nguồn lực cho các lĩnh vực cốt lõi.



1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2025	KH 2025	TH2025/ KH2025
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.070	2.325	112%
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	Tỷ đồng	140	189,5	135%
3	Tỷ lệ chia cổ tức	%	20% – 40%	20% – 40%	112%



Hội đồng Quản trị luôn theo sát diễn biến thực tế của Công ty và thị trường, kịp thời đưa ra chủ trương và quyết định hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi để Ban Điều hành thực hiện hiệu quả kế hoạch sản xuất - kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Nhờ sự chỉ đạo linh hoạt và chiến lược đúng đắn, Công ty đã không chỉ duy trì hoạt động ổn định trong bối cảnh nhiều thách thức mà còn hoàn thành vượt kế hoạch về tổng doanh thu, lợi nhuận kế toán trước thuế và tỷ lệ chia cổ tức. Đây là minh chứng rõ nét cho sự hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp, tối ưu hóa nguồn lực và tận dụng tốt cơ hội trên thị trường.

Không chỉ tập trung vào mục tiêu tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Hội đồng quản trị còn có trách nhiệm giám sát và thúc đẩy các hoạt động liên quan đến môi trường, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững. Công ty đã tích cực triển khai các chương trình giảm thiểu tác động đến môi trường, tối ưu hóa năng lượng và tài nguyên, cũng như tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm đóng góp tích cực cho xã hội.

Những nỗ lực này không chỉ giúp Công ty nâng cao uy tín thương hiệu, đáp ứng các tiêu chuẩn ESG mà còn tạo lợi thế cạnh tranh trong dài hạn, đảm bảo sự phát triển bền vững và mang lại giá trị lâu dài cho cổ đông, người lao động và cộng đồng.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành Công ty

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành, đặc biệt trong bối cảnh thị trường nhiều thách thức nhưng vẫn hoàn thành tốt nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất - kinh doanh theo đúng định hướng mà Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua.

Các thành viên trong Ban Điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, năng lực chuyên môn vững vàng, cùng với bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý và điều hành doanh nghiệp. Với sự am hiểu sâu sắc về ngành nghề phụ trách, Ban Điều hành đã có những quyết sách phù hợp, kịp thời thích ứng với điều kiện thực tế nhằm tối ưu hóa hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc đã phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng Giám đốc và Giám đốc điều hành, đồng thời tổ chức các cuộc họp giao ban định kỳ để đánh giá kết quả thực hiện công việc, rà soát tiến độ và triển khai kế hoạch phù hợp.

Ban Điều hành đã triển khai hoạt động sản xuất - kinh doanh theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, đảm bảo vận hành Công ty một cách hiệu quả. Bên cạnh việc điều hành hoạt động kinh doanh, Ban Điều hành còn chú trọng đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, không ngừng cải thiện năng lực điều hành nhằm nâng cao hiệu suất hoạt động và đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty.





3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



Trong năm 2026, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dệt May Huế tiếp tục phát huy vai trò định hướng chiến lược, tăng cường công tác quản lý, giám sát và đồng hành cùng Ban Điều hành trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển của Công ty.

Hội đồng Quản trị duy trì tổ chức các phiên họp định kỳ để xem xét, thảo luận và thông qua các nội dung quan trọng như báo cáo tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh, các đề án đầu tư và chính sách quản trị. Đồng thời, chủ động tổ chức các cuộc họp chuyên đề hoặc đột xuất nhằm kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh, bảo đảm hoạt động điều hành thông suốt, đúng thẩm quyền và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Song song đó, Hội đồng Quản trị tập trung rà soát, hoàn thiện định hướng phát triển trung và dài hạn; quyết định các chủ trương đầu tư, tái cơ cấu và các giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của Công ty.

Nhận định tình hình

Bước sang năm 2026, môi trường kinh tế và chính sách tiếp tục có nhiều biến động, đặc biệt trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, thị trường vốn và công bố thông tin. Điều này đặt ra yêu cầu Công ty phải tiếp tục nâng cao chất lượng quản trị, chuẩn hóa quy trình nội bộ và tăng cường minh bạch, qua đó củng cố uy tín và tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động phát triển dài hạn.

Đối với ngành dệt may, năm 2026 dự báo tiếp tục chịu tác động từ nhu cầu thị trường chưa ổn định, áp lực cạnh tranh gia tăng trong khu vực và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, tiêu chuẩn môi trường, trách nhiệm xã hội và truy xuất nguồn gốc. Trong khi đó, chi phí sản xuất và chi phí tuân thủ vẫn ở mức cao, tạo áp lực lớn lên hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Định hướng triển khai trong năm 2026

Trước bối cảnh trên, Hội đồng Quản trị xác định năm 2026 là năm Công ty tiếp tục củng cố nền tảng quản trị, nâng cao chất lượng tăng trưởng và hiệu quả hoạt động. Trọng tâm là nâng cao năng suất lao động, kiểm soát chi phí, tối ưu hóa chuỗi cung ứng và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất.

Đồng thời, Công ty tiếp tục phát triển sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị, đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng về chất lượng, tiến độ và tiêu chuẩn bền vững; duy trì và mở rộng quan hệ với các đối tác chiến lược, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu nhằm giảm thiểu rủi ro và nâng cao tính ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng, với sự phối hợp chặt chẽ giữa Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và toàn thể người lao động, Công ty Cổ phần Dệt May Huế sẽ tiếp tục ổn định hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh và hoàn thành các mục tiêu đề ra trong năm 2026.

Chỉ tiêu kế hoạch 2026



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2026
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.370
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	175,5
3	Tỷ lệ chia cổ tức trên vốn điều lệ	%	20 - 40

Về công tác đầu tư



Tiếp tục triển khai các dự án chuyển tiếp, gồm:

- Dự án Đầu tư nhà máy May 3 tầng.
- Dự án Cải tạo trạm 110kV.
- Dự án Đầu tư Cải tạo hệ thống hơi, điện tại CNQB.
- Dự án Đầu tư kho nguyên liệu tự động hoá.
- Dự án Đầu tư thiết bị nhà máy Sợi năm 2025.
- Dự án Đầu tư thiết bị nhà máy May năm 2025.
- Dự án Đầu tư chiều sâu thay thế thiết bị nhà máy Dệt Nhuộm năm 2025
- Dự án Đầu tư phân xưởng wash.
- Dự án Đầu tư Hệ thống điện mặt trời áp mái.

Triển khai các dự án đầu tư mới, gồm:

- Dự án Đầu tư bổ sung thiết bị nhà máy Dệt Nhuộm năm 2026.
- Dự án Đầu tư tự động hóa tại nhà máy May 3 tầng.
- Dự án Đầu tư Hệ thống điện mặt trời May 3 tầng.
- Dự án Đầu tư chiều sâu thiết bị nhà máy may năm 2026.
- Dự án Cải tạo mặt bằng công nghệ nhà máy May 3 kết hợp hệ thống vách ngăn cháy.

PHẦN

04

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

- 01 Thông tin cổ phiếu
- 02 Cơ cấu cổ đông
- 03 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 04 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ



THÔNG TIN CỔ PHIẾU



Vốn điều lệ : 200.962.590.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành : 20.096.259 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông : 20.096.259 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi : 0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 20.096.259 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ : 0 cổ phiếu

1. Cơ cấu cổ đông

(Căn cứ theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 24/03/2026)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	989	20.081.832	99,93%
1	Cá nhân	984	5.517.900	27,46%
2	Tổ chức	5	14.563.723	72,47%
II	Cổ đông nước ngoài	12	14.427	0,07%
1	Cá nhân	11	13.527	0,07%
2	Tổ chức	1	900	0,00%
III	Cổ phiếu quỹ	0	0	0,00%
Tổng cộng		1.001	20.096.259	100%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

2. Danh sách cổ đông lớn

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,68%
2	Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51%
3	Đình Quang Chiến	1.025.068	5,10%
Tổng cộng		14.965.825	74,29%

3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ (đồng)	Hình thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận
2005	-	30.000.000.000	Công ty thực hiện cổ phần hóa.	ĐHĐCĐ, Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Thừa Thiên Huế
2012	19.995.570.000	49.995.570.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20%. Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 46,67%.	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2016	50.004.430.000	100.000.000.000	Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 47.504.650.000 đồng. Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2.499.780.000 đồng.	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2021	5.000.000.000	105.000.000.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2022	47.247.010.000	152.247.010.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 45%.	ĐHĐCĐ, UBCKNN
2023	48.715.580.000	200.962.590.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 32%.	ĐHĐCĐ, UBCKNN

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ



Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Bà Nguyễn Hồng Liên	Người nội bộ - TV HĐQT	49.187	0,24	66.687	0,33	Giao dịch cổ phiếu
Bà Trần Thị Thuận	Người nội bộ - TV HĐQT	23.453	0,12	27.253	0,14	Giao dịch cổ phiếu
Ông Đào Văn Tư	Người nội bộ - TV Ban Điều hành	39.960	0,20	43.090	0,21	Giao dịch cổ phiếu
Bà Nguyễn Khánh Chi	Người nội bộ - Kế toán Trưởng	27.266	0,14	13.000	0,06	Giao dịch cổ phiếu
Bà Phạm Thị Vân Hà	Người nội bộ - TV Ban Kiểm soát	4.000	0,02	3.600	0,02	Giao dịch cổ phiếu



PHẦN

05

BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 01 Môi trường và năng lượng
- 02 Chính sách người lao động
- 03 Cộng đồng và xã hội



Báo cáo

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

MÔI TRƯỜNG VÀ NĂNG LƯỢNG

1. Tác động đến môi trường

Hoạt động trong ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng - lĩnh vực có mức độ ảnh hưởng đáng kể đến môi trường - Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường trong suốt quá trình vận hành. Một số công đoạn trong quy trình sản xuất có thể phát sinh chất thải rắn, lỏng, khí, cũng như tiếng ồn và rung động, gây tác động nhất định đến môi trường sống xung quanh khu vực nhà máy. Nhận thức rõ điều này, Công ty đã chủ động triển khai đồng bộ các giải pháp giám sát, kiểm soát và xử lý môi trường nhằm giảm thiểu tối đa các tác động tiêu cực.

Kiểm soát khí thải và bụi phát sinh

Nguồn phát sinh khí thải chủ yếu đến từ bụi trong các công đoạn chải thô, chải kỹ và ghép sợi tại Nhà máy Sợi. Để xử lý, Công ty đã lắp đặt hệ thống hút gió đưa bụi về các buồng điều hòa không khí và buồng lọc chuyên dụng. Tại các vị trí phát sinh bụi cục bộ, Công ty trang bị máy hút bụi cầm tay để đảm bảo hiệu quả xử lý. Ngoài ra, hệ thống quạt hút và quạt công nghiệp công suất lớn được lắp đặt nhằm hạn chế lan tỏa bụi ra môi trường bên ngoài. Cảnh quan nhà máy cũng được cải thiện bằng hệ thống cây xanh và thảm cỏ bao quanh, góp phần nâng cao chất lượng không khí và giảm thiểu ô nhiễm bụi.

Xử lý nước thải

Nguồn phát sinh nước thải chủ yếu đến từ quá trình dệt nhuộm và hoạt động xử lý khí thải lò hơi. Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải với công suất 1.500 m³/ngày.đêm, áp dụng quy trình xử lý kết hợp hóa lý và sinh học. Nước sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 13-MT:2015/BTNMT (giá trị C_{max}, cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp dệt nhuộm. Hệ thống quan trắc tự động cũng được lắp đặt để giám sát liên tục chất lượng nước đầu ra, giúp Công ty kịp thời ứng phó khi phát sinh tình huống bất thường.

Quản lý chất thải rắn

Hoạt động sản xuất của từng Nhà máy sẽ phát sinh các chất thải rắn công nghiệp thông thường khác nhau như Sản phẩm vô cơ bị loại bỏ từ quá trình sản xuất chưa qua sử dụng (Bông, xơ phế phẩm thu hồi từ hệ thống hút và lọc bụi); Chất thải từ nguyên liệu Composit (vải vụn, chỉ, ...); Chất thải từ nguyên liệu Composit (Dây, nhãn vải, móc nhựa, dụng cụ bằng vải, ...); Tro đáy, xỉ và bụi lò hơi, lò dầu; Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ (lõi giấy quần sợi, thùng giấy các tông). Công ty đã xây dựng quy trình thu gom và tập kết định kỳ các loại chất thải này để bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo hợp đồng đã ký kết, đảm bảo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

Giảm thiểu tiếng ồn và độ rung

Để hạn chế tiếng ồn và rung động từ máy móc trong quá trình sản xuất, Công ty thiết kế khu vực sản xuất khép kín, gia cố chân đế và bệ máy bằng bê tông, đồng thời lắp đặt các đệm cao su chống rung. Thảm thực vật cũng được tận dụng như một lớp cách âm tự nhiên, góp phần hạn chế tiếng ồn lan truyền ra môi trường xung quanh.

Hướng tới sản xuất bền vững, Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ môi trường, thông qua việc quản lý hiệu quả việc tiêu thụ điện, nước và xử lý triệt để các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất. Việc cải tiến công nghệ, thay thế thiết bị cũ và tăng cường giám sát định kỳ là những bước đi then chốt trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

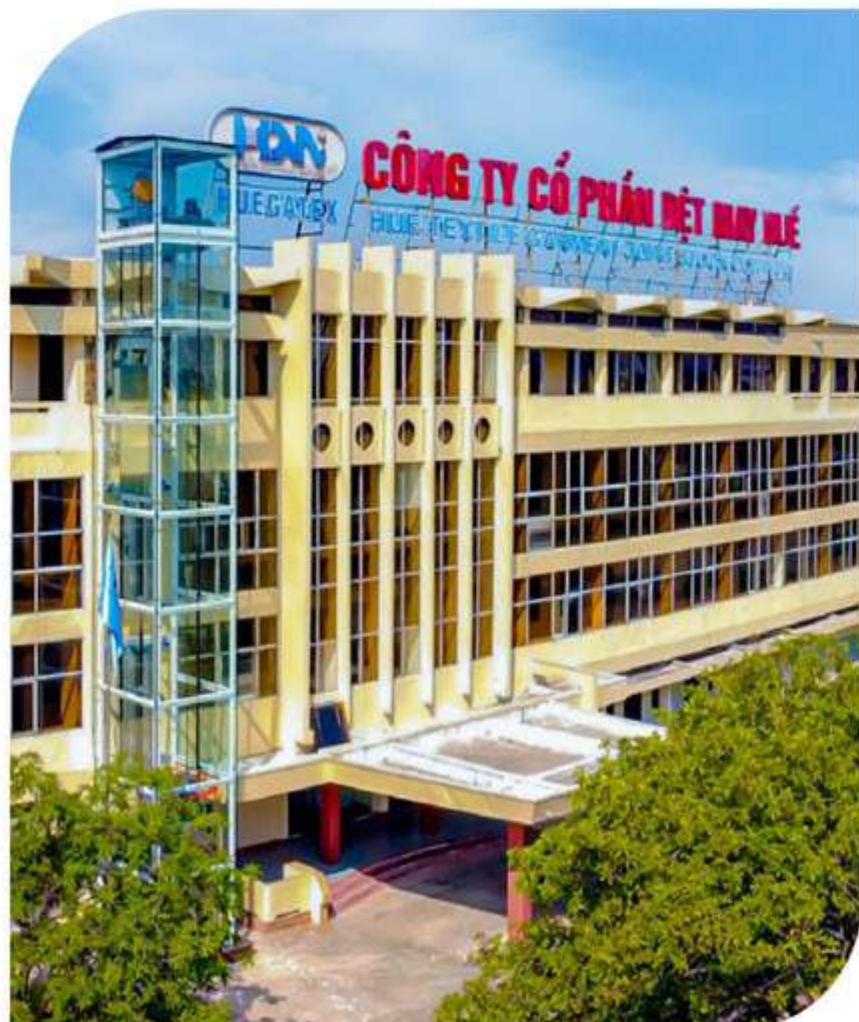


2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Công ty luôn đề cao trách nhiệm bảo vệ môi trường trong toàn bộ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Nhờ triển khai hiệu quả các biện pháp an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường, Công ty nhiều năm liền duy trì được môi trường làm việc an toàn, sạch sẽ tại các nhà máy và văn phòng.

Trong năm, Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật mới liên quan đến công tác bảo vệ môi trường và đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành. Kết quả, Công ty không ghi nhận bất kỳ trường hợp vi phạm nào trong lĩnh vực môi trường. Song song đó, Công ty cũng đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên.



3. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn chú trọng công tác quản lý nguyên vật liệu nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất diễn ra liên tục, hiệu quả và tiết kiệm chi phí. Bên cạnh các loại nguyên liệu chính phục vụ cho hoạt động của Nhà máy Sợi, Nhà máy Dệt Nhuộm và Nhà máy May, Công ty còn sử dụng nhiều vật tư phụ trợ phục vụ cho quá trình đóng gói, bảo quản và vận chuyển sản phẩm như: ống côn giấy, bao túi ni lông, bao kiện sợi, thùng giấy, v.v.

Nguồn cung ứng nguyên vật liệu được Công ty xây dựng trên cơ sở hệ thống nhà cung cấp đa dạng trong và ngoài nước, thông qua các hợp đồng dài hạn và ngắn hạn, đảm bảo ổn định về chất lượng và tiến độ giao hàng. Trong một số thỏa thuận, Công ty còn đàm phán điều khoản hoàn trả lại bao bì, thùng chứa sau sử dụng nhằm hạn chế phát sinh chất thải, góp phần bảo vệ môi trường.

Để kiểm soát tốt nguyên vật liệu đầu vào, Công ty thiết lập quy trình kiểm định chất lượng chặt chẽ ngay từ khâu nhập kho, kết hợp hệ thống theo dõi định mức tiêu hao vật tư theo từng công đoạn sản xuất. Nhờ đó, hạn chế tối đa tình trạng lãng phí hoặc thất thoát nguyên liệu trong quá trình sản xuất.

Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên rà soát định mức sử dụng vật tư, ứng dụng phần mềm quản lý kho và lập kế hoạch mua sắm phù hợp với nhu cầu thực tế nhằm tối ưu hóa dòng lưu chuyển nguyên vật liệu trong toàn hệ thống.

Đối với các loại nguyên vật liệu dư thừa, kém phẩm chất hoặc phát sinh dưới dạng phế liệu, Công ty tiến hành phân loại và bàn giao cho các đơn vị có chức năng xử lý chuyên nghiệp theo đúng quy định về bảo vệ môi trường và an toàn sản xuất. Hoạt động này không chỉ góp phần tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên mà còn giúp nâng cao giá trị thu hồi từ các sản phẩm không sử dụng được.





4. Tiêu thụ năng lượng

Để vận hành máy móc thiết bị tại các nhà máy cũng như phục vụ cho công tác tại các văn phòng, nhà máy Công ty sử dụng nguồn năng lượng chủ yếu là điện năng. Bên cạnh đó, trong quá trình hoạt động, Công ty còn sử dụng một số năng lượng cần thiết như xăng, dầu ga, khí đốt,...

Lượng điện Công ty tiêu thụ trong năm là, trong đó 35.790.535 kWh phục vụ sản xuất, 1.735.256 kWh phục vụ văn phòng.

Các giải pháp nhằm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Công ty đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ công nhân viên (CBCNV) về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả nhằm giảm chi phí vận hành, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. CBCNV được khuyến khích thực hiện nghiêm túc các biện pháp tiết kiệm, đặc biệt là điện năng trong giờ cao điểm để tối ưu hóa nguồn lực và giảm áp lực lên hệ thống điện.

Trong sản xuất, Công ty điều phối dây chuyền nhằm giảm thời gian vận hành máy ở chế độ không tải, đặc biệt tại Nhà máy May và Nhà máy Đệm Nhung. Đồng thời, Công ty thường xuyên kiểm tra hệ thống điện để giảm công suất hoạt động không cần thiết và hạn chế lãng phí năng lượng. Các biện pháp khác bao gồm vệ sinh định kỳ hệ thống mương điều không để tăng hiệu suất truyền tải và cải tạo tiết diện mương hút điều không.

Công ty theo dõi sát sao phụ tải điện, điều chỉnh kế hoạch sản xuất hợp lý trong giờ cao điểm nhằm tối ưu chi phí và tăng hiệu quả vận hành. Truyền thông nội bộ cũng được đẩy mạnh với bảng khuyến nghị tiết kiệm tại khu vực sản xuất và văn phòng. Công ty tập trung tái chế, tái sử dụng nước, theo dõi tỷ lệ tái sử dụng nhằm giảm tác động môi trường.



5. Tiêu thụ nước

Công ty hiểu rõ rằng nước là một tài nguyên quan trọng giúp sinh sống của con người và môi trường xung quanh. Vì thế, Công ty đặt mục tiêu quản lý và sử dụng nguồn nước một cách bền vững và hiệu quả. Nguồn nước sử dụng của Công ty được cung cấp bởi Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế, là đơn vị cung cấp nước sạch trên toàn địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tổng lượng nước sử dụng của Công ty trong năm là 309.564 m³.

Công ty thực hiện kiểm toán năng lượng theo Thông tư 09/2012/BCT đúng thời hạn, đồng thời xây dựng kế hoạch tiết kiệm năng lượng hằng năm với mục tiêu cụ thể cho từng nhà máy, phòng ban, quán triệt đến toàn thể CBCNV.

Lượng điện đã tiết kiệm thông qua các giải pháp trong năm 2025: 1.530.168 kWh



1. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	4.732	4.489	4.269	4.388
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	9.625.000	8.902.000	9.708.000	10.794.000

2. Chính sách cho người lao động

Công ty luôn chú trọng đảm bảo công việc ổn định, chăm lo đời sống và tạo môi trường làm việc an toàn cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Trong năm, Công ty vinh dự được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trao tặng danh hiệu Doanh nghiệp vì người lao động, ghi nhận những nỗ lực trong việc thực hiện các chính sách phúc lợi và an sinh cho người lao động.

Toàn bộ CBCNV được đảm bảo đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thân thể, giúp người lao động yên tâm công tác và gắn bó lâu dài với Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tăng cường các biện pháp an toàn lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn theo từng vị trí công việc.

Công tác phòng cháy chữa cháy cũng được chú trọng, với nội quy và quy chế PCCC được phổ biến thường xuyên đến người lao động. Công ty tổ chức hai khóa đào tạo nghiệp vụ PCCC mỗi năm, giúp CBCNV nắm vững kỹ năng ứng phó và xử lý tình huống kịp thời.

Công ty cũng quan tâm đến chăm sóc sức khỏe người lao động, tổ chức khám chữa bệnh định kỳ hàng năm, đồng thời thành lập tổ bảo hiểm nhằm can thiệp và hỗ trợ kịp thời. Qua đó, Công ty có thể phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, giảm thiểu rủi ro và sắp xếp công việc phù hợp, đảm bảo sức khỏe lâu dài cho người lao động.





2. Chính sách cho người lao động (tt)

Công ty cũng quan tâm đến chăm sóc sức khỏe người lao động, tổ chức khám chữa bệnh định kỳ hàng năm, đồng thời thành lập tổ bảo hiểm nhằm can thiệp và hỗ trợ kịp thời. Qua đó, Công ty có thể phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh nghề nghiệp, giảm thiểu rủi ro và sắp xếp công việc phù hợp, đảm bảo sức khỏe lâu dài cho người lao động.

Trong năm qua, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động ý nghĩa, thiết thực hướng đến người lao động như:

- Tổ chức chương trình "Tết sum vầy", gặp mặt, động viên và tặng quà các đối tượng chính sách, đơn vị kết nghĩa, cán bộ hưu trí, công nhân lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán Ất Ty.
- Hỗ trợ đột xuất cho các trường hợp bệnh nặng và tai nạn lao động.
- Thực hiện chương trình "Tết sum vầy - Ngày hội Công nhân - Phiên chợ nghĩa tình", phát 290 phiếu mua hàng 0 đồng cho 124 người lao động có hoàn cảnh khó khăn.
- Tổ chức gặp mặt và tặng quà Tết cho 100% người lao động với giá trị mỗi suất quà từ 500.000 - 700.000 đồng.
- Triển khai 5 "Chuyến xe nghĩa tình" hỗ trợ CBCNV về quê ăn Tết và hỗ trợ tiền ăn trưa



3. Hoạt động đào tạo người lao động

Công tác truyền thông, tuyên truyền và giáo dục cho đoàn viên và người lao động được thực hiện thông qua nhiều hoạt động thiết thực. Việc đào tạo chuyên môn được chú trọng với các lớp nâng cao trình độ dành cho cán bộ công nhân viên trong khu vực sợi. Đồng thời, lớp huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động được tổ chức định kỳ cho toàn bộ đoàn viên và người lao động theo Nghị định 140/NĐ-CP. Ngoài ra, các diễn tập ứng phó sự cố cứu nạn, cứu hộ và phòng cháy chữa cháy được thực hiện mỗi ba tháng một lần để đảm bảo an toàn trong lao động. Đáng chú ý, một chương trình tập huấn kỹ năng hoạt động và tư vấn pháp luật đã thu hút sự tham gia của 150 cán bộ công đoàn, kèm theo các hoạt động vui chơi giải trí bổ ích.

Trong khuôn khổ tổ chức các phong trào thi đua, Công ty đã phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, tạo không khí sôi nổi và động lực phấn đấu cho người lao động. Phong trào "Thi đua lao động sáng tạo" diễn ra xuyên suốt năm với mục tiêu vượt mức kế hoạch doanh thu và sản lượng. Nhiều tổ sản xuất và cá nhân xuất sắc đã được trao giải thưởng. Ngoài ra, các danh hiệu thi đua công đoàn cũng được trao cho những tập thể và cá nhân có thành tích nổi bật.

Tổng chi phí đào tạo cho người lao động năm 2025 là 2.550.000.000 đồng.

Bao gồm các chương trình:

STT	Đơn vị đào tạo	Khoá đào tạo
1	Trường ĐHCN Dệt May Hà Nội	Lớp đào tạo kỹ sư Công nghệ Sợi-Dệt
2	MVV Academy	Đào tạo cho chuyên viên bán hàng
3	Trường ĐH Công nghiệp và Thương Mại Hà Nội và trường CĐ Công nghiệp Huế	Đại học vừa làm vừa học ngành Công nghệ May
4	Tập đoàn Dệt May Việt Nam	Đào tạo Khối Nhân sự

CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI



Ngoài nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty đã tổ chức và tham gia các hoạt động xã hội, văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao: Phối hợp với các đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu Chiến binh tổ chức các hoạt động đền ơn đáp nghĩa nhân ngày Thương binh Liệt sĩ, thăm các mẹ Việt Nam Anh Hùng định kỳ hàng quý và các ngày lễ...



Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số	3103000140	ngày 17 tháng 11 năm 2005
	3300100628 (thay đổi lần thứ 1)	ngày 21 tháng 5 năm 2012
	3300100628 (thay đổi lần thứ 2)	ngày 10 tháng 11 năm 2016
	3300100628 (thay đổi lần thứ 3)	ngày 17 tháng 2 năm 2017
	3300100628 (thay đổi lần thứ 4)	ngày 9 tháng 4 năm 2018
	3300100628 (thay đổi lần thứ 5)	ngày 30 tháng 12 năm 2021
	3300100628 (thay đổi lần thứ 6)	ngày 22 tháng 7 năm 2022
	3300100628 (thay đổi lần thứ 7)	ngày 29 tháng 6 năm 2023
	3300100628 (thay đổi lần thứ 8)	ngày 31 tháng 12 năm 2024
	3300100628 (thay đổi lần thứ 9)	ngày 4 tháng 1 năm 2025
	3300100628 (thay đổi lần thứ 10)	ngày 1 tháng 7 năm 2025

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3300100628 ngày 1 tháng 7 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Huế cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Hồng Liên	Thành viên
Ông Lê Hồng Quân	Thành viên
Bà Trần Thị Thuần	Thành viên (từ ngày 25/4/2025)
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên (đến ngày 25/4/2025)

Ban Điều hành

Bà Nguyễn Hồng Liên	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/1/2025)
Ông Lê Hồng Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đào Văn Tư	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/4/2025)
Bà Trần Thị Thuần	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 15/4/2025)
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng	Giám đốc điều hành
Bà Nguyễn Khánh Chi	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Phan Nữ Quỳnh Anh	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Vân Hà	Thành viên
Ông Hồ Nam Phong	Thành viên

Trụ sở đăng ký

Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thanh Thủy
Thành phố Huế, Việt Nam
(địa chỉ trước khi thay đổi địa giới hành chính:
Số 122 Dương Thiệu Tước, Phường Thủy Dương
Thị xã Hương Thủy, Thành phố Huế, Việt Nam)

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban Điều hành
Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Huế, ngày 16 tháng 3 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dệt May Huế**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dệt May Huế ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt May Huế tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo Kiểm toán số: 25-04-00046-26-1



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thùy Trang

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3846-2022-007-1

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.019.646.241.689	820.074.737.085
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	130.891.327.316	54.131.609.503
Tiền	111		7.891.327.316	22.131.609.503
Các khoản tương đương tiền	112		123.000.000.000	32.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		188.000.000.000	54.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	188.000.000.000	54.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		431.960.070.708	420.484.052.030
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	361.141.372.899	342.713.691.965
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	50.443.746.901	81.864.946.988
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	26.959.718.144	2.371.064.588
Dự phòng phải thu khó đòi	137	10	(6.584.767.236)	(6.465.651.511)
Hàng tồn kho	140	11	239.344.650.548	281.198.213.226
Hàng tồn kho	141		240.688.260.600	282.835.626.731
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.343.610.052)	(1.637.413.505)
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.450.193.117	10.260.862.326
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.215.508.944	3.252.049.724
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.234.684.173	7.008.812.602

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		356.127.504.822	316.780.688.703
Các khoản phải thu dài hạn	210		921.000.000	921.021.869
Phải thu dài hạn khác	216		921.000.000	921.021.869
Tài sản cố định	220		253.873.776.171	294.738.185.304
Tài sản cố định hữu hình	221	12	253.714.607.272	294.291.082.396
Nguyên giá	222		1.111.140.934.305	1.098.863.292.898
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(857.426.327.033)	(804.572.210.502)
Tài sản cố định vô hình	227	13	159.168.899	447.102.908
Nguyên giá	228		3.647.399.579	3.500.399.579
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.488.230.680)	(3.053.296.671)
Tài sản dở dang dài hạn	240		87.148.925.420	1.139.366.296
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	87.148.925.420	1.139.366.296
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	10.018.455.897	10.018.455.897
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.184.054.682	11.184.054.682
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.165.598.785)	(1.165.598.785)
Tài sản dài hạn khác	260		4.165.347.334	9.963.659.337
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	4.165.347.334	7.372.269.724
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	2.591.389.613
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.375.773.746.511	1.136.855.425.788

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		855.914.956.756	723.521.721.545
Nợ ngắn hạn	310		717.218.652.399	642.644.197.776
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	63.521.886.442	59.544.642.236
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.489.978.219	843.395.771
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	14.727.276.867	15.250.355.454
Phải trả người lao động	314		167.523.185.567	130.995.787.288
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.062.871.067	2.475.187.994
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	33.263.240.665	41.792.117.252
Vay ngắn hạn	320	19(a)	380.297.738.871	351.451.313.141
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	49.332.474.701	40.291.398.640
Nợ dài hạn	330		138.696.304.357	80.877.523.769
Vay dài hạn	338	19(b)	102.696.304.357	80.877.523.769
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	21	36.000.000.000	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		519.858.789.755	413.333.704.243
Vốn chủ sở hữu	410	22	519.858.789.755	413.333.704.243
Vốn cổ phần	411	23	200.962.590.000	200.962.590.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.962.590.000	200.962.590.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	147.478.956.722	127.478.956.722
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		171.417.243.033	84.892.157.521
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		50.777.581.460	35.777.869.876
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		120.639.661.573	49.114.287.645
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.375.773.746.511	1.136.855.425.788

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	2.271.609.064.894	1.953.400.922.993
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	144.513.016	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	2.271.464.551.878	1.953.400.922.993
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.927.922.142.252	1.694.683.303.439
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		343.542.409.626	258.717.619.554
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	41.919.408.657	43.373.998.648
Chi phí tài chính	22	30	25.002.270.973	41.543.868.735
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.169.984.799	17.070.917.575
Chi phí bán hàng	25	31	63.988.687.700	63.512.490.059
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	110.929.619.286	63.188.738.234
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		185.541.240.324	133.846.521.174
Thu nhập khác	31	33	11.895.002.540	13.296.554.936
Chi phí khác	32		7.979.942.546	9.811.148.085
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.915.059.994	3.485.406.851
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		189.456.300.318	137.331.928.025
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	36.080.860.632	29.219.657.771
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	35	2.591.389.613	(1.290.794.391)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		150.784.050.073	109.403.064.645
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	6.535	4.831

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởngNguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		189.456.300.318	137.331.928.025
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		59.509.218.795	59.215.300.481
Các khoản dự phòng	03		(174.687.728)	(2.855.423.251)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		972.493.670	2.113.610.291
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(11.055.477.322)	(6.693.490.011)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(538.249.164)	(570.274.914)
Chi phí lãi vay	06		15.169.984.799	17.070.917.575
Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	07		36.000.000.000	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		289.339.583.368	205.612.568.196
Biến động các khoản phải thu	09		(52.160.512.651)	(7.651.772.462)
Biến động hàng tồn kho	10		42.147.366.131	11.136.999.392
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		47.474.591.148	(10.670.272.747)
Biến động chi phí trả trước	12		3.243.463.170	10.958.936.388
			330.044.491.166	209.386.458.767
Tiền lãi vay đã trả	14		(15.439.947.104)	(17.224.619.748)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(36.265.619.953)	(28.767.278.986)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8.400.000	1.380.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.081.900.000)	(3.624.300.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		273.265.424.109	159.771.640.033
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(84.160.017.239)	(79.051.903.306)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		538.249.164	570.274.914
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(216.000.000.000)	(32.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		82.000.000.000	81.000.000.000
Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27		9.902.003.347	6.487.803.984
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(207.719.764.728)	(22.993.824.408)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.387.718.351.873	1.276.749.658.115
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.336.855.740.251)	(1.368.562.050.760)
Tiền trả cổ tức	36		(39.649.329.555)	(80.873.696.535)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		11.213.282.067	(172.686.089.180)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		76.758.941.448	(35.908.273.555)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		54.131.609.503	90.010.006.657
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		776.365	29.876.401
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	130.891.327.316	54.131.609.503

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập:


Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dệt May Huế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sợi;
- Nhuộm và hoàn tất vải sợi;
- Sản xuất các mặt hàng và sản phẩm dệt may; và
- Kinh doanh các mặt hàng và sản phẩm dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 4.388 nhân viên (1/1/2025: 4.249 nhân viên).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	2 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Quỹ được sử dụng cho đầu tư nghiên cứu và phát triển công nghệ của Công ty.

(l) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối hàng năm theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho bên giao gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Điều hành Công ty cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được lập theo vùng địa lý dựa trên vị trí của khách hàng do địa điểm sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Châu Á
- Châu Âu
- Việt Nam
- Các vùng khác

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Châu Mỹ		Tổng cộng	
	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu của bộ phận	1.192.618.793.701	906.759.842.583	12.603.889.157	36.475.037.671	288.841.829.836	238.597.030.852	777.400.039.184	771.569.011.887	2.271.464.551.878	1.953.400.922.993
Kết quả kinh doanh của bộ phận	135.307.368.863	81.162.130.878	2.025.110.303	3.433.015.379	40.464.431.912	24.064.841.530	165.745.498.548	150.057.631.767	343.542.409.626	258.717.619.554
Thu nhập không phân bổ									41.919.408.657	43.373.998.648
Chi phí không phân bổ									(199.920.577.959)	(168.245.097.028)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh									185.541.240.324	133.846.521.174
Thu nhập khác									11.895.002.540	13.296.554.936
Chi phí khác									(7.979.942.546)	(9.811.148.085)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(38.672.250.245)	(27.928.863.380)
Lợi nhuận thuần sau thuế									150.784.050.073	109.403.064.645

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Châu Á		Châu Âu		Việt Nam		Châu Mỹ		Tổng cộng	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản của bộ phận	124.134.761.374	72.760.961.884	-	7.619.781.404	19.829.952.004	31.204.051.625	217.176.659.521	231.128.897.052	361.141.372.899	342.713.691.965
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ									1.014.632.373.612	794.141.733.823
Tổng tài sản									1.375.773.746.511	1.136.855.425.788
Các khoản nợ của bộ phận	655.025.675	-	-	-	926.027.561	342.209.496	908.924.983	501.186.275	2.489.978.219	843.395.771
Các khoản nợ không phân bổ									853.424.978.537	722.678.325.774
Tổng nợ phải trả									855.914.956.756	723.521.721.545
									2025 VND	2024 VND
Chi tiêu vốn									84.160.017.239	79.051.903.306
Khấu hao tài sản cố định hữu hình									59.074.284.786	58.749.200.921
Khấu hao tài sản cố định vô hình									434.934.009	466.099.560

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	335.216.330	292.925.060
Tiền gửi ngân hàng	7.556.110.986	21.838.684.443
Các khoản tương đương tiền	123.000.000.000	32.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	130.891.327.316	54.131.609.503

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất năm từ 1,9% đến 4,75% (1/1/2025: từ 1,9% đến 3,5%).

6. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất năm từ 2,9% đến 5,8% (1/1/2025: từ 2,9% đến 4,4%).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các tài sản tài chính này.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác****31/12/2025 và 1/1/2025**

Đơn vị	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	Thành phố Huế, Việt Nam	5,00	5,00	7.495.524.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Bông và Kinh doanh Tổng hợp Miền Trung	Nha Trang, Việt Nam	7,12	7,12	650.000.000	(384.228.587)	(*)
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	Thành phố Huế, Việt Nam	6,45	6,45	1.500.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	Hưng Yên, Việt Nam	2,65	2,65	1.008.000.000	(781.370.198)	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Việt	Thành phố Huế, Việt Nam	0,44	0,44	191.150.682	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	Thành phố Huế, Việt Nam	0,70	0,70	248.770.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	Thành phố Huế, Việt Nam	0,24	0,24	90.610.000	-	(*)
				11.184.054.682	(1.165.598.785)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Số cổ phiếu nhận bằng cổ tức mà Công ty không ghi nhận doanh thu tài chính và chi theo dõi số lượng bao gồm:

	31/12/2025 Cổ phiếu	1/1/2025 Cổ phiếu
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	235.903	235.903
Công ty Cổ phần Đầu tư Dệt May Thiên An Phát	624.144	624.144
Công ty của Cổ phần Sợi Phú Việt	11.914	11.914
Công ty Cổ phần Sợi Phú Mai	4.367	4.367
Công ty Cổ phần Sợi Phú Nam	7.358	7.358

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Aurora Investments Global	217.176.659.521	231.128.897.052
Kam Hing Piece Works Ltd.	64.602.202.253	-
Fujian Fynex Textile Science & Technology Co.,Ltd.	33.005.158.222	14.345.075.172
Công ty TNHH Fashion Garments 2	3.650.329.783	12.649.037.959
Singtex Pte., Ltd	3.940.848.553	12.361.155.203
Kam Hing Textile Macao Commercial Offshore Co., Ltd	-	15.346.810.875
Xiamen Fengzhu Trading Co.,Ltd	-	5.056.389.525
Các khách hàng khác	38.766.174.567	51.826.326.179
	361.141.372.899	342.713.691.965

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty liên quan trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	15.381.301	300.640.405
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân	11.364.601	12.661.994
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	7.735.939	7.644.535
Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex	27.822.620	63.555.840
	62.304.461	384.502.774

Các khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và thu được khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Trả trước cho người bán ngắn hạn****Trả trước cho người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	64.800.000	-
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH Hiệp Thành	13.941.193.431	28.054.182.780
Viterra B.V.	12.031.837.065	-
Hangzhou Benma Chemfibre & Spinning Co., Ltd.	5.794.959.898	-
StoneX Switzerland SA.	5.545.262.342	-
Allenberg Cotton Co.	917.866.960	6.973.790.052
Olam Global Agri Pte Ltd.,	649.576.562	-
Devcot S.A.S	466.341.900	10.968.370.834
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết kế Xây dựng An Thịnh Phát	-	18.714.000.000
Các nhà cung cấp khác	11.031.908.743	17.154.603.322
	50.443.746.901	81.864.946.988

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2025	1/1/2025
Ký quỹ tại ngân hàng (*)	22.456.761.643	-
Lãi tiền gửi	1.839.389.042	685.915.067
Lãi phạt chậm thanh toán	404.531.282	404.531.282
Phải thu khác	2.259.036.177	1.280.618.239
	26.959.718.144	2.371.064.588

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản ký quỹ này là các khoản tiền gửi ký quỹ thế chấp tại ngân hàng không có lãi để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Nợ quá hạn

31/12/2025					1/1/2025				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ									
Xuất nhập khẩu Hưng Thành Đạt	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-	Trên 3 năm	2.824.257.828	(2.824.257.828)	-	
Ông Bùi Thế Quân	Trên 3 năm	2.625.087.361	(2.625.087.361)	-	Trên 3 năm	2.541.936.609	(2.541.936.609)	-	
Ông Nguyễn Trọng Bùi	Trên 3 năm	730.077.769	(730.077.769)	-	Trên 3 năm	706.952.247	(706.952.247)	-	
Taijiuh Garment Co., Ltd.	Trên 3 năm	405.344.278	(405.344.278)	-	Trên 3 năm	392.504.827	(392.504.827)	-	
		6.584.767.236	(6.584.767.236)	-			6.465.651.511	(6.465.651.511)	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			(6.584.767.236)					(6.465.651.511)	

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Hàng tồn kho

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	18.843.554.184	-	1.454.457.493	-
Nguyên vật liệu	106.291.991.381	(1.343.610.052)	144.224.348.628	(1.582.986.512)
Công cụ và dụng cụ	18.697.624	-	39.741.704	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	74.978.943.636	-	73.560.865.176	-
Thành phẩm	29.016.347.943	-	28.951.671.934	(54.426.993)
Hàng gửi đi bán	11.538.725.832	-	34.604.541.796	-
	240.688.260.600	(1.343.610.052)	282.835.626.731	(1.637.413.505)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 160.000 triệu VND (1/1/2025: 160.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	293.176.682.134	760.237.275.266	25.652.607.751	10.328.498.637	9.468.229.110	1.098.863.292.898
Tăng trong năm	995.154.000	1.668.584.763	-	34.131.829	-	2.697.870.592
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	8.725.774.027	7.038.073.916	-	36.091.127	-	15.799.939.070
Thanh lý	-	(5.260.522.800)	(959.645.455)	-	-	(6.220.168.255)
Số dư cuối năm	302.897.610.161	763.683.411.145	24.692.962.296	10.398.721.593	9.468.229.110	1.111.140.934.305
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	188.385.744.923	583.385.375.880	19.037.348.026	9.347.637.167	4.416.104.506	804.572.210.502
Khấu hao trong năm	16.010.824.167	39.498.478.710	1.342.182.374	528.323.865	1.694.475.670	59.074.284.786
Thanh lý	-	(5.260.522.800)	(959.645.455)	-	-	(6.220.168.255)
Số dư cuối năm	204.396.569.090	617.623.331.790	19.419.884.945	9.875.961.032	6.110.580.176	857.426.327.033
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	104.790.937.211	176.851.899.386	6.615.259.725	980.861.470	5.052.124.604	294.291.082.396
Số dư cuối năm	98.501.041.071	146.060.079.355	5.273.077.351	522.760.561	3.357.648.934	253.714.607.272

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 650.873 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 582.145 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 92.094 triệu VND (1/1/2025: 120.558 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	3.500.399.579
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	147.000.000
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.647.399.579
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.053.296.671
Khấu hao trong năm	434.934.009
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.488.230.680
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	447.102.908
Số dư cuối năm	159.168.899
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 3.233 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2025: 2.381 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	1.139.366.296	509.565.865
Tăng trong năm	101.956.498.194	46.375.321.148
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(15.799.939.070)	(45.745.520.717)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(147.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	87.148.925.420	1.139.366.296

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	2025 VND	2024 VND
Nhà máy may 3 tầng	86.336.349.798	920.039.714
Đầu tư bổ sung thiết bị sợi	420.000.000	73.400.000
Đầu tư hệ thống lò hơi, lò dầu tải nhiệt	64.687.037	-
Các công trình khác	327.888.585	145.926.582
	<hr/>	<hr/>
	87.148.925.420	1.139.366.296

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND
Số dư đầu năm	7.372.269.724
Tăng trong năm	2.623.817.755
Phân bổ trong năm	(5.830.740.145)
	<hr/>
Số dư cuối năm	4.165.347.334

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt may Hà Nội	907.200.000	-
Tổng Công ty Cổ Phần Dệt May Hòa Thọ	-	62.985.600
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	-	2.780.094.592
Các bên thứ ba		
Công ty TNHH In Hoa Ruijia Việt Nam	7.714.933.531	6.253.704.917
Công ty Cổ phần Nguồn Việt Nam	6.554.584.597	7.393.937.410
Yau Kuen Industrial Co., Ltd.	5.928.597.918	6.485.055.874
Colorful Textile & Apparels Co.,Ltd.	5.298.787.695	1.224.618.804
Rosy Blossom Limited	905.796.204	294.756.081
Premier Exim (HK) Limited	21.899.504	1.249.185.069
Các nhà cung cấp khác	36.190.086.993	33.800.303.889
	63.521.886.442	59.544.642.236

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.107.151.086	23.613.281.731	(24.004.542.021)	715.890.796
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.300.333.867	(4.300.333.867)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.065.619.953	36.080.860.632	(36.265.619.953)	12.880.860.632
Thuế thu nhập cá nhân	1.076.649.055	5.829.881.793	(5.776.545.569)	1.129.985.279
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	903.305.456	(903.305.456)	-
Các loại thuế và phí khác	935.360	962.356.142	(962.751.342)	540.160
	15.250.355.454	71.690.019.621	(72.213.098.208)	14.727.276.867

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả Tập đoàn Dệt May Việt Nam	18.345.183.000	24.460.244.000
Cổ tức phải trả - các cổ đông khác	11.946.114.317	15.335.994.372
Kinh phí công đoàn	904.725.791	527.259.821
Lãi vay ngân hàng	579.947.631	849.909.936
Các khoản phải trả khác	1.487.269.926	618.709.123
	33.263.240.665	41.792.117.252

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	31/12/2025 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	319.738.723.362	1.352.201.793.229	(1.305.948.424.533)	15.712.485	366.007.804.543
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	31.712.589.779	13.491.958.499	(30.907.315.718)	(7.298.232)	14.289.934.328
	351.451.313.141	1.365.693.751.728	(1.336.855.740.251)	8.414.253	380.297.738.871

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	3,2% - 3,3%	110.005.085.157	118.346.475.361
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2,3% - 3,8%	100.837.035.061	17.473.758.430
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	3,2% - 3,3%	87.754.176.489	23.659.234.622
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	3,6% - 4,2%	38.215.045.511	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	3,4% - 3,7%	29.196.462.325	105.413.892.666
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	3,5% - 3,8%	-	54.845.362.283
			366.007.804.543	319.738.723.362

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Vay dài hạn	116.986.238.685	112.590.113.548
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(14.289.934.328)	(31.712.589.779)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	102.696.304.357	80.877.523.769

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6,3%	2031	35.516.558.644	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	7,2% - 9,7%	2025	-	7.959.079.870
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (*)	VND	4,5% – 5,8%	2025	-	23.200.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (công ty mẹ) (**)	USD	SOFR 6 tháng + 0,7%	2039	81.469.680.041	81.431.033.678
				116.986.238.685	112.590.113.548

(*) Khoản vay này không được đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”), trị giá 3.088.603,61 USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 3.186.999,87 USD) và có hạn mức 7.018.550 USD.

Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số khoản tiền gửi có kỳ hạn được ký quỹ tại ngân hàng (Thuyết minh 9), một số hàng tồn kho (Thuyết minh 11) và tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	40.291.398.640	33.160.226.495
Trích lập trong năm	14.114.576.061	10.754.092.145
Tăng khác	8.400.000	1.380.000
Sử dụng trong năm	(5.081.900.000)	(3.624.300.000)
Số dư cuối năm	49.332.474.701	40.291.398.640

21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ này được trích lập từ thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025. Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt Quyết định số 1573/QĐ-HĐQT về việc thành lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ và Quyết định số 1599/QĐ-HĐQT về việc trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ với số tiền là 36.000 triệu VND (tương đương 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025). Phần trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được Công ty hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	200.962.590.000	107.478.956.722	66.531.962.021	374.973.508.743
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	109.403.064.645	109.403.064.645
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(10.754.092.145)	(10.754.092.145)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 25)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 24)	-	-	(60.288.777.000)	(60.288.777.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	200.962.590.000	127.478.956.722	84.892.157.521	413.333.704.243
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	150.784.050.073	150.784.050.073
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	-	-	(14.114.576.061)	(14.114.576.061)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 25)	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-
Cổ tức bằng tiền (Thuyết minh 24)	-	-	(30.144.388.500)	(30.144.388.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	200.962.590.000	147.478.956.722	171.417.243.033	519.858.789.755

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	20.096.259	200.962.590.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.096.259	200.962.590.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2025 và 1/1/2025		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	12.230.122	60,86	122.301.220.000
Công ty TNHH Tường Long	1.710.635	8,51	17.106.350.000
Các cổ đông khác	6.155.502	30,63	61.555.020.000
	20.096.259	100,00	200.962.590.000

24. Cổ tức

Ngày 17 tháng 11 năm 2025, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 1319/NQ-HĐQT về việc tạm ứng cổ tức cho cổ đông với số tiền 30.144 triệu VND (tương đương với tỷ lệ 15% vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 (2024: chia và tạm ứng cổ tức với số tiền 60.289 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024)).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Tại cuộc họp ngày 25 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định trích lập quỹ đầu tư phát triển với số tiền 20.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 (2024: 20.000 triệu VND).

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	198.933	5.189.731.528	622.945	15.752.796.990
EUR	-	-	4	114.377
		<u>5.189.731.528</u>		<u>15.752.911.367</u>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

	31/12/2025	1/1/2025
	Sản phẩm	Sản phẩm
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	5.086	6.027
	<u>5.086</u>	<u>6.027</u>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn cho các dự án đầu tư sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	236.666.761.398	135.210.412.798
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	112.065.276.828	182.277.772.248
	<u>348.732.038.226</u>	<u>317.488.185.046</u>

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo**

Tại ngày báo cáo ngày 31 tháng 12 năm 2025, theo các hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo, Công ty có các cam kết hoán đổi tiền tệ chéo nhằm phòng ngừa rủi ro tỷ giá đối với khoản vay bằng USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ USD	Tương đương VND	Nguyên tệ USD	Tương đương VND
Cam kết hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo	734,960.20	19,316,367,491	319,065.18	7,988,052,529

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán thành phẩm	2.235.630.557.262	1.920.172.925.604
▪ Doanh thu bán hàng hóa và phế liệu	35.902.536.231	33.172.891.640
▪ Doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	75.971.401	55.105.749
	2.271.609.064.894	1.953.400.922.993
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(144.513.016)	-
	2.271.464.551.878	1.953.400.922.993

28. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Thành phẩm	1.892.818.624.316	1.666.809.486.475
Hàng hoá và phế liệu đã bán	35.397.321.389	31.296.002.403
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(293.803.453)	(3.422.185.439)
	1.927.922.142.252	1.694.683.303.439

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi	7.958.901.322	3.249.265.465
Cổ tức	3.096.576.000	2.374.920.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.147.413.942	36.680.508.637
Lãi hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo	1.716.517.393	1.069.304.546
	<hr/>	<hr/>
	41.919.408.657	43.373.998.648

30. Chi phí tài chính

	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	15.169.984.799	17.070.917.575
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	397.894.737
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.964.518.751	21.961.446.132
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	972.493.670	2.113.610.291
Chi phí hoán đổi tiền tệ chéo	729.903.383	-
Chi phí tài chính khác	165.370.370	-
	<hr/>	<hr/>
	25.002.270.973	41.543.868.735

31. Chi phí bán hàng

	2025 VND	2024 VND
Phí giám sát đơn hàng	18.687.335.450	17.857.505.440
Phí xử lý hàng ở cảng	3.359.654.123	1.145.763.877
Chi phí vận chuyển	29.943.439.458	32.660.395.033
Chi phí hoa hồng môi giới	8.668.163.300	7.838.297.958
Chi phí khấu hao	152.647.267	106.413.396
Chi phí bán hàng khác	3.177.448.102	3.904.114.355
	<hr/>	<hr/>
	63.988.687.700	63.512.490.059

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	38.306.036.965	28.719.053.110
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	119.115.725	168.867.451
Chi phí khấu hao	3.234.381.850	895.086.665
Chi phí vật liệu quản lý và đồ dùng văn phòng	1.520.704.951	2.798.909.015
Thuế, phí và lệ phí	7.026.772.734	5.665.205.238
Chi phí điện, nước	2.943.330.208	3.276.608.933
Chi phí ăn ca	1.801.353.863	1.803.021.430
Chi phí thuê đất	1.612.725.054	1.638.085.142
Công cụ, dụng cụ	3.446.553.318	2.722.077.408
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	36.000.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí quản lý doanh nghiệp khác	14.918.644.618	15.501.823.842
	110.929.619.286	63.188.738.234

33. Thu nhập khác

	2025 VND	2024 VND
Tiền điện nước thu từ các nhà thầu và các đơn vị khác	2.917.386.704	2.615.415.554
Lãi do thanh lý tài sản cố định	538.249.164	570.274.914
Thu nhập từ nguyên, phụ liệu gia công dư thừa kém phẩm chất	5.179.037.218	6.559.598.075
Các khoản khác	3.260.329.454	3.551.266.393
	11.895.002.540	13.296.554.936

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.090.654.214.448	1.023.777.541.950
Chi phí nhân công	616.835.529.149	524.745.098.016
Chi phí khấu hao	59.509.218.795	59.215.300.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	215.530.653.430	162.145.673.479
Chi phí khác	98.727.771.921	52.299.304.780

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***35. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	36.080.860.632	28.502.161.449
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	717.496.322
	36.080.860.632	29.219.657.771
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	2.591.389.613	(1.290.794.391)
	38.672.250.245	27.928.863.380

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	189.456.300.318	137.331.928.025
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.891.260.064	27.466.385.605
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.163.327.531	329.813.782
Thu nhập không bị tính thuế	(619.315.200)	(474.984.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	236.977.850	(109.848.329)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	717.496.322
	38.672.250.245	27.928.863.380

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuần về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	150.784.050.073	109.403.064.645
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dự kiến (*)	(19.453.321.079)	(12.319.809.352)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	131.330.728.994	97.083.255.293

(*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2025 dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm 2025 và tỷ lệ trích quỹ khen thưởng và phúc lợi thực tế của năm 2024.

Số thực tế phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận thuần của năm 2024 (Thuyết minh 20) lớn hơn số mà Ban Giám đốc Công ty ước tính khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá chênh lệch này không trọng yếu, và do đó đã quyết định không điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024.

(ii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2025	2024
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	131.330.728.994	97.083.255.293
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (số cổ phiếu)	20.096.259	20.096.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	6.535	4.831

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Dệt May Việt Nam</i>		
Mua dịch vụ	382.508.498	375.980.474
Trả cổ tức bằng tiền	24.460.244.000	48.920.488.000
Tạm ứng cổ tức	18.345.183.000	24.460.244.000
Thanh toán gốc vay	23.200.000.000	23.200.000.000
Thanh toán gốc khoản vay từ nguồn vốn vay ADB	2.554.443.921	2.342.548.150
Lãi và phí của khoản vay từ nguồn vốn vay ADB	5.148.130.055	5.817.103.395
Lãi vay dự án Quảng Bình	673.054.246	1.798.778.632
<i>Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Trung tâm Thời trang Vinatex</i>		
Bán hàng hóa	304.449.908	410.580.926
Mua dịch vụ	89.949.390	119.269.695
Các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	112.173.167	68.471.316
Mua dịch vụ	253.423.723	117.007.077
<i>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	286.859.057	529.988.897
Mua hàng hóa	76.949.718	83.062.171
<i>Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội</i>		
Mua hàng hóa	4.098.706.464	-
<i>Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	230.721.794	238.386.633
Mua hàng hóa và dịch vụ	83.908.823	99.420.715
<i>Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng</i>		
Bán hàng hóa	2.527.358.720	-
Mua hàng hóa	-	2.527.358.720
<i>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</i>		
Bán hàng hóa	-	408.316.749

Công ty Cổ phần Dệt May Huế**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2025	2024
	VND	VND
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Nguyễn Đức Trị – Chủ tịch	555.000.000	420.000.000
Ông Nguyễn Văn Phong – Thành viên	291.000.000	84.000.000
Bà Nguyễn Hồng Liên – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Lê Hồng Quân – Thành viên	84.000.000	84.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình – Thành viên	28.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Thuần – Thành viên	56.000.000	-
Thành viên Ban Điều hành		
<i>Lương và thưởng</i>		
Bà Nguyễn Hồng Liên – Tổng giám đốc (từ ngày 01/01/2025)	1.544.456.000	977.110.409
Ông Nguyễn Văn Phong – Tổng giám đốc (đến ngày 31/12/2024)	-	1.541.564.000
Ông Hồ Ngọc Lan – Phó Tổng giám đốc	-	783.402.602
Ông Lê Hồng Quân – Phó Tổng giám đốc	1.177.856.172	987.000.986
Ông Nguyễn Tiến Hậu – Phó Tổng giám đốc	1.179.738.512	1.007.154.381
Ông Đào Văn Tư – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 15/4/2025)	1.098.142.801	838.262.695
Bà Trần Thị Thuần – Phó Tổng giám đốc (từ ngày 15/4/2025)	1.103.450.000	840.262.695
Ông Nguyễn Bá Khánh Tùng – Giám đốc điều hành	1.010.467.674	895.611.019
Bà Nguyễn Khánh Chi – Kế toán trưởng	887.334.022	753.191.822
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>		
Bà Phan Nữ Quỳnh Anh – Trưởng ban	348.871.697	316.367.798
Bà Phạm Thị Vân Hà – Thành viên	110.500.000	80.100.000
Ông Hồ Nam Phong – Thành viên	595.496.085	524.712.347
Giao dịch khác với người quản lý chủ chốt		
	2025	2024
	VND	VND
Trả cổ tức bằng tiền	645.002.000	1.290.004.000

Công ty Cổ phần Dệt May Huế

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Thân Thị Kim Phụng
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Khánh Chi
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Liên
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO 2025

THƯỜNG NIÊN

Huế, ngày 05 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



NGUYỄN HỒNG LIÊN